

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 8 — THÁNG TÁM NĂM CANH · TÝ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số 8 năm thứ VI

Rằm tháng 8 năm Canh-Tý (5-10-1960)

TRONG SỐ NÀY:

Đạo Phật của ai ?	<i>Liên-Hoa</i>
Bồ-tát Thường bất Khinh	<i>Thích Tri-Đức</i>
Đạo Phật đối với tôi có ý nghĩa gì ?	<i>Thích Minh-Giản</i>
Hồng chung (Thơ)	<i>Thạch-trung-Giã</i>
Lạc Tương Như (Chuyện đời xưa)	<i>Như Tâm</i>
Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật	<i>Thích Thiên-Ấn</i>
Biết Sống (Câu chuyện Phụ-nữ)	<i>Thích-nữ Thê-Quần</i>
Thư gửi bạn	<i>Nguyễn-Thái</i>
Trầm lặng (Thơ)	<i>Nghiêm-Tĩnh</i>
Những ngã đường (Chuyện dài)	<i>Võ đình-Cường</i>
Phương pháp Trắc nghiệm trong trường	
Hàm-thụ G.Đ.P.T.	<i>Phan-cảnh-Tuần</i>
Tin tức.	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Tri trình bày

ĐẠO PHẬT CỦA AI ?

LIÊN HOA

KHÔNG cần phải biện minh dài dòng, lời thối, ai cũng nhận thấy rằng đạo Phật không phải là của riêng của ai cả, và lại càng không phải của đức Phật. Nếu đức Phật tuyên bố rằng đạo Phật là đạo của Ngài, thì đức Phật đã tự mâu thuẫn với giáo lý vô ngã của Ngài.

Đạo Phật đã có sẵn trong bản thể của vũ-trụ, đã có từ vô thi, đức Phật chỉ là người đã chỉ cho chúng sanh cái đạo. con đường ấy, chứ không phải là người sáng tạo ra cái đạo từ trong hư không hay trong trí tưởng của Ngài.

Đạo Phật đã không phải của riêng của Phật, thì tất nhiên cũng không phải của riêng của quý vị Tăng-già, và lại càng không phải của riêng của một số tín-dồ nào đó. Sự thật giản dị ấy không ai lạ gì, người Phật-tử lại biết rõ lắm.

Nếu có một vị Tăng-già hay một vị Cư-sĩ nào, dù tài năng bao nhiêu, dù công nghiệp bao nhiêu đối với đạo, mà tự cho mình là quan trọng nhứt, mình là Đạo, Đạo là mình; hay mình là Hội, Hội là mình, thì cái ngã-mạn ấy đáng bị dọa vào địa-ngục vô-gián.

Nguyên nhân của cái ngã-mạn tầy trời ấy, một phần do ở sự tự tôn, tự đại và sự kém sáng suốt của những người trong cuộc; một phần do ở tánh thụ động, tự-tì mặc cảm của những người chung quanh. Tình trạng này lâu lâu cũng có xuất hiện trong một số ban Trị-sự của Hội hay của Giáo-hội là quyền hành, quyết định tập trung vào trong tay của một vài người có năng lực hoạt động, còn một số người khác chỉ giữ vai trò thụ động, làm cái công việc gặt đầu thường xuyên....

Một bên thì dần dần xâm phạm vào quyền hạn của người khác, còn một bên, thì trái lại, sẵn sàng đề rút lui ra khỏi quyền hạn của mình. Do đó, đạo Phật mặc dù có một tinh thần rất bình đẳng và dân chủ, đôi khi, trong hành động hình như có tánh cách bất công và độc đoán.

Người lãnh đạo sáng suốt bao giờ cũng không quên huấn luyện cho những người đồng sự với mình một tinh thần tự tín, tự lập, bình đẳng và dân chủ. Chỉ có thái độ ấy mới giữ cho tổ chức, đoàn thể của mình khỏi trúc đổ và tồn tại lâu dài.

Nói rộng ra, ngoài các ban chấp hành của Hội, trong số quần chúng Phật-tử, cũng có một số người có thái độ « vô tình » hay « thụ động » đáng trách. Họ quan niệm sai lầm rằng: Phật-giáo là của một số các thầy nào đó, hay Hội là của một vài đạo-hữu, cũng như Gia-đình Phật-tử là của một số anh chị em nào đó. Sau khi làm xong nhiệm vụ bầu cử ban chấp hành, họ lạng lẽ trở về đơn vị của mình, đề mặc cho ban chấp hành tự liệu lấy, làm gì thì làm, mà không làm

gì cũng mặc, không cần theo rõi, lại càng không cần ủng hộ trong những lúc gặp khó khăn. Do đó, các ban chấp hành ít khi thực hiện được chương trình đã vạch sẵn, công việc nhiều khi khiếm khuyết, không sát thực tế.

Lại còn một số người nữa, đáng trách hơn. Họ là giòng giới Phật-tử, tinh thoảng cũng có cầu an, cầu siêu, năm khi mười họa cũng có đến chùa. Nhưng họ không hề biết chi đến tổ-chức của đạo mình, không hề tham gia một công tác gì dù lớn dù nhỏ. Thậm chí trong ngày Phật-dản, đã không hề giúp đỡ gì cho tổ chức chung, hoặc ở địa phương mình đang tổ chức, chỉ lặng lẽ đứng coi đám rước Phật đi qua như người ngoại đạo, rồi còn phê bình đạo mình thiếu cái này, cái khác, thua kém đạo họ, đạo kia. Họ lại còn cho người nào tích cực hoạt động cho Phật sự là « hăng bất tử »; hay đó là việc làm của « hạ lưu », hay của những người « dư công rảnh việc ». Nhưng không biết những người « thượng lưu » như họ đã làm được gì cho ai nhờ chưa? Cái thời giờ bận rộn của họ ấy đã dùng được vào việc gì đáng kể?

Đạo Phật không phải là riêng của ai cả. Nhưng đã là Phật-tử phải có trách nhiệm của người Phật-tử đối với đạo, với đời, với người, với mình, tùy tài tùy lực góp của góp công, trong đạo hằng trăm ngàn công việc, ai cũng có thể tham gia được, không nên ỡn-ờ, khi giờ khi chuột. Đã nằm trong một tổ nào, tất nhiên cùng chung chịu cái vinh cái nhục, ràng buộc đời mình với đời sống đoàn thể, tổ chức ấy. Nếu không chúng ta tự mâu thuẫn với chúng ta, đời chúng ta trở thành vô nghĩa, và lại làm trò cười cho người ngoại cuộc . . .

BỒ-TÁT

THƯỜNG-BẮT-KHINH

TRONG kinh Đại-Pháp-Liên-Hoa Phật bảo Ngài Đại-Thế-Chi Bồ-Tát rằng: « Các ông nên biết, những vị Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di thọ-trì kinh Pháp-Hoa, mà nếu ai dùng lời thô ác mắng nhiếc, sẽ bị trọng báo, trái lại người trì kinh này được công đức lớn, sáu căn thanh-tịnh như đã nói trước kia. Như xưa trong thời tượng-pháp của đức Phật Oai-Âm-Vương, giữa hàng tăng-thượng-mạn Tỳ-Kheo, có vị Bồ-Tát là Thường-Bắt-Kinh. Vị Bồ-Tát ấy phạm thấy hàng xuất-gia, tại gia, nam, nữ . . . đều cung kính lễ bái khen ngợi rằng: « Tôi rất kính trọng các Ngài, không dám khinh mạn, vì các Ngài đều tu hành đạo Bồ-Tát, sẽ dựng thành Phật » ngoài sự lễ bái tán thán ấy, vị Tỳ-Kheo kia không hề đọc tụng kinh điển. Gặp ai cũng chỉ lễ bái tán thán và nói: « Tôi không dám khinh các người, các người sẽ được làm Phật ». Đến nỗi có người vì tâm chưa dựng thanh-tịnh, nổi giận mắng nhiếc: Ông Vô-trí Tỳ-Kheo cứ sao đến đây tự nói tôi không dám khinh người và thọ-ký ta sẽ thành Phật, đó chỉ là nói dối, ta không dùng làm chi. Có khi Ngài còn bị người ta lấy roi gậy ngói đá đánh đập, trốn chạy qua một nơi xa mà Ngài còn lớn tiếng nói lại: « tôi không dám khinh các người, các người đều sẽ làm Phật » như vậy trải qua nhiều

năm, dù bị khổ nhục cũng không sanh sầu hận, nên các tăng - thượng - mạn Tỳ - Kheo đều gọi vị Tỳ - Kheo kia là Thường-Bất-Khinh. Vị Tỳ-Kheo ấy khi mạng chung được nghe giữa hư không Phật Oai-Âm-Vương nói kinh Pháp-Hoa, Ngài được công-đức lực căn thanh-tịnh, sau Ngài lại rộng nói kinh Pháp-Hoa lại cho mọi người đều nghe như mình đã được nghe vậy.



« Tất cả đều có Phật-tánh », « Hết thấy đều được thành Phật », Đó là lời dạy không tiền khoáng hậu, chỉ có Đạo Phật mới thừa nhận và thuyết minh cái giá trị vô thượng ấy của muôn loài. Đó là một đặc điểm làm cho Đạo Phật vượt hẳn lên trên tất cả tôn-giáo học-thuyết thế-gian. Cho nên người Phật-tử chân chính là phải luôn luôn cố gắng phát huy Phật-tánh cho mình và chúng-sinh, không xem thường, không khinh rẽ một chúng sinh nào, dù là hạng người mà xã-hội cho là thấp kém, huống chi đến sự giết hại khủng bố một cách vô-ý-thức, vì tư-kỷ, vì vô-minh. Vậy nên hết thấy hành-động tự-lợi lợi-tha của người Phật-tử mà gọi rằng lợi, là vì : hướng về mục-đích « phát-huy Phật-Tánh » ấy.

Phật-tử gánh vác nhiệm-vụ ấy và hành-động với tất cả cố gắng vì tự nhận là bổn-phận, thì dầu bị khổ nhục, dầu bị tai hại gì, cũng bền chí lướt qua và coi đó là thành-công chứ không phải hy-sinh. NGÀI THƯỜNG-BẤT-KHINH Bồ-Tát là tượng trưng đầy đủ cho tinh-thần Phật-tử đó vậy.

THÍCH TRÍ-ĐỨC

ĐẠO PHẬT ĐỐI VỚI TÔI CÓ Ý NGHĨA GÌ?

Lama Anagarika Govinda
THÍCH MINH - CHÂU DỊCH

ĐẠO Phật đối với tôi, không phải là một giáo điều hay là một nhóm tín-điều của riêng một tôn-phái, một học phái hay một giáo phái nào, mà chính là một giòng nước vĩ đại chảy xuống với chúng ta, từ ngàn vạn năm về trước, và giòng nước ấy tập trung tất cả kinh nghiệm trải vô số thời đại của những tín đồ, triết gia, thi sĩ, nghệ sĩ, học giả và các bậc Đại-đức, tất cả những người này chung gây dựng sự phong phú kỳ diệu của giòng nước ấy.

Nguồn gốc của giòng nước ấy là vị Đại-Giác, hay đúng hơn, sự chứng nghiệm của giác-ngộ, một trạng thái của tám thức, phổ biến và phong phú đến nỗi, sau 2500 năm, chúng ta chưa làm nông cạn được những khả năng diễn đạt và những pháp môn chứng-ngộ vô lượng của sự chứng nghiệm ấy.

Nhưng đại-tôn-giáo và những truyền thống tinh thần không phải là những phát minh cá nhân, dầu chúng được những bậc đại nhân xướng khởi đầu tiên. Chúng được phát triển lớn dần từ mầm giống của những tư tưởng sáng tác, những thực nghiệm vĩ đại và những trực giác sâu kín. Chúng lớn dần trải nhiều thời đại, thể theo định luật riêng của chúng, như một cây hay những cơ thể động vật khác.

Những lời đức Phật, có thể dạy cho chúng ta chỉ là một phần của những gì đức Phật đã dạy với tự thân của Ngài, với cá tánh của Ngài, với sự mô phạm linh động của Ngài. Và tất cả những điều trên cũng chỉ là một phần nhỏ của sự thực nghiệm tinh thần của Ngài. Chính đức Phật cũng đã biết sự khiếm khuyết và giới hạn của lời nói và văn từ. Ngài đã ngăn ngại truyền dạy bằng lời nói những gì quá sâu kín và tinh vi để luận lý sông và trí thức tầm thường của loài người có thể nhận hiểu. Dầu vậy

nay vẫn có người, chỉ thấy đạo Phật là một đạo lý trí, và với hạng người này, lý trí triệt để hạn cuộc vào những phát minh khoa học và những ý luận tuyệt đối của thế kỷ vừa qua !

Những ai tin tưởng hoàn toàn vào văn tự, cũng như những ai xem giá trị cơ tích lịch sử hệ trọng hơn cả sự Thật, sẽ không bao giờ công nhận như vậy, vì chúng sẽ mất những thành kiến đã được sắp đặt một cách rõ ràng, những khái niệm đã được định nghĩa khúc chiết và những tư tưởng vô đoán, chính những thành kiến, khái niệm, tư tưởng này giúp đỡ chúng khỏi phải suy nghĩ cho chúng. Chúng buộc tội các học phái đạo Phật về sau đi quá xa đức Phật trong khi sự thật chính chúng là người đã đi quá xa những khái niệm bị thời gian chi phối của những vị đồng thời với đức Phật và những kẻ kế vị.

Các học phái

Đề được có một quan niệm vững vàng về đạo Phật, chúng ta không thể dựa vào bằng chứng của riêng một học phái nào, dầu học phái này có thể xưa nhất, vì rằng những kinh điển xưa nhất, hiện chúng ta được biết đều được chép ít nhất là 4 thế kỷ sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, và trong thời ấy, ít nhất đã có 18 học phái khác nhau. Những học phái ấy đều diễn đạt lời dạy của đức Phật một cách xác thật, và chọn thành nhất có thể có được, đối với những hạng người có những tánh tình và nhận thức sai khác nhau. Tất cả đều chọn thành sùng thượng đức Phật và đến với lời dạy của Ngài với một thái độ hết sức cung kính. Vậy nên không gì đáng khen cho một số lớn học giả hiện đại, bị hướng dẫn sai lầm bởi vì một sự tình ngẫu nhiên, những kinh điển của một học phái được gìn giữ tốt hơn hay được hiểu đến dễ dàng hơn kinh điển của các học phái khác khiến chúng xem rằng những kinh điển này là nguồn gốc chọn chánh độc nhất của những lời dạy đức Phật.

Lin Yutang đã nói « Vì loài người chỉ tra nhìn vào một biến tướng (phase) của sự Thật mà chúng nhận được, và phát triển cùng nâng cao biến tướng ấy thành một hệ thống luận lý hoàn toàn, nên triết học của chúng ta thường hay đi xa với đời sống. Ai luận đàm đến sự Thật tức làm tổn thương đến sự Thật, ai muốn chứng minh sự Thật tức hủy tồn và

xuyên tạc sự Thật. Ai đeo cho sự Thật một nhãn hiệu và một loại học phái tức giết chết sự Thật. Và ai tuyên bố là một tín đồ của sự Thật tức là đã chôn mất sự Thật ».

Chính đức Phật đã từng hỏi Đại-Đức A-Nan có phải đã theo lời dạy của Ngài và tin Ngài vì lời nói của Ngài. Đại-Đức A-Nan trả lời không phải vậy mà chỉ vì tự mình đã chứng nghiệm những lời dạy ấy và nhận thấy những lời ấy đúng với sự Thật.

Thái độ của Ngài A-Nan tượng trưng cho thái độ của người Phật tử một cách vẫn tất rõ ràng. Đức Phật không muốn bắt đầu một tôn giáo mới hay định nghĩa một giáo điều mới, mà chỉ muốn khuyến khích mỗi cá nhân tự mình kinh nghiệm sự Thật cho mình, và tự tính giác đến sự Thật cuối cùng mà chúng ta gọi là Giác Ngộ. Đức Phật không tự xem mình như là một nhà phát minh một lời dạy mới, Ngài chỉ muốn xem mình như là một người cảm được cho một định lý (Dharma) tinh thần vĩnh viễn, định lý ấy đã được vô số đấng Đại-Giác đã chứng ngộ và truyền bá trước Ngài, và định lý ấy cũng sẽ được các đức Phật tương lai truyền bá tương tự.

Lời dạy Phổ biến (Universal Teaching)

Chính tánh cách phổ biến của đạo Phật đã luôn luôn cảm hứng tôi và làm cho đời sống tôi đầy những kinh dị mới lạ, bởi sự phong phú của những kinh nghiệm tinh thần, và những pháp môn chứng ngộ, chính sự phong phú ấy không cho phép tâm trí phải bị tù hãm và thỏa mãn một cách dễ dàng, trái lại mở rộng trước chúng ta những viễn vông mới, tại mỗi khúc quanh và góc đường.

Khi tôi còn trẻ tuổi, nhân tính dễ thương của đức Phật, sự hợp lý và ngay thẳng, lời dạy Ngài cảm hóa ảnh hưởng tôi. Lời dạy của Ngài không gì mâu thuẫn với những định lý của vũ trụ và cảm hại đến lương tri của mình. Định lý phổ biến và định lý luân lý, vũ trụ nơi tâm và ngoại cảnh cùng hòa hợp lẫn nhau để thành một bức họa hòa đồng điều tiết.

Định lý nghiệp về nhân và quả, định lý duyên-khởi ứng dụng vào phạm vi luân lý và tu hành, cũng chắc chắn khi ứng dụng vào phạm vi vạn vật hình như đã lấp bằng lỗ hổng từ trước đến nay, đã cách rộng giữa tôn giáo và khoa học như phổ thông thường hiểu. Cho đến giáo lý « luân hồi

dầu là một sự tin chắc sâu vững và cũng là một sự tự chứng cá nhân đối với tôi tự nhiên và đáng tin hơn, sánh với lý thuyết ra đời chỉ là một sự phối hợp ngẫu nhiên của những sự kiện vật chất và cuối cùng bị đoạt diện hoàn toàn hay là lý thuyết một đời sống vĩnh viễn cũng không xứng đáng tại một thiên đường, dầu rằng trước kia về quá khứ không được có mặt trong khoảng thời gian vô tận.

Tôi may mắn hồi còn trẻ được hiểu biết những giáo lý chính của tất cả những tôn giáo lớn trên thế giới, nhưng không bị ảnh hưởng bị bắt buộc phải hướng theo một tôn giáo nào, cho đến khi tôi chọn đạo Phật, sự lựa chọn ấy, diễn đạt một cách triệt để sự cảm hóa chọn thành của nội tâm, chứ không phải một cái gì bắt buộc tôi phải nắm lấy vì hoàn cảnh. Chắc chắn tôi đã là một Phật tử trước khi tôi được sinh ra ở đời này.

Tuy vậy điều đáng chú ý là theo thời gian thay đổi, những phương diện sai khác của một vật giống nhau lại ảnh hưởng hấp dẫn chúng ta sai khác nhau. Khi còn trẻ, phần hợp lý của đạo Phật và hình ảnh « lịch sử » của đức Phật chiếm địa-vị ưu thắng trong sự tin tưởng tôn giáo của tôi, nhưng sự kinh nghiệm của những năm về sau nêu cho tôi rõ, giá trị nông cạn của các biện luận thuộc lý trí và làm cho tôi tin giá trị vô lý của sự thật, và đặc tánh giác ngộ của Phật, nhờ vậy sự kích thích lịch sử của quá khứ biến thành một sức mạnh linh động của hiện tại, một sự thật linh động trong tự tâm của chúng ta.

Một viễn tượng

Khi tôi nói rằng đạo Phật hiện ra với tôi như một con sông, một viễn tượng sáng chiếu trong tâm trí tôi, hình ảnh một cuộc du hành dọc theo con sông ấy, và những kỳ quan linh động phong phú con sông ấy hiện ra trước mắt tôi. Tôi sẽ tả cảnh một vài kỳ quan ấy dầu tôi hiểu viễn tượng ấy có tánh cách hoàn toàn cá nhân và sự khó khăn thiếu hụt của những danh từ và ví dụ để miêu tả.

Ban đầu phong cảnh được bốn hòn núi « Bốn Đế » hùng mạnh ngự trị: Khô đế, tập đế, diệt đế, và đạo đế. Hòn núi thứ nhất có vẻ đen thẫm, dễ sợ, bao bọc tràn đầy những than tro và đá Diêm-sơn đen xám, không có cây cối, và một đám mây màu đỏ tía gọi diêm dư bay lơ lửng như một tấm màn báo hiệu ngày tận số.

Ngọn núi thứ hai, phun lửa và khói và những giòng suối đầy phún thạch chảy đỏ tràn liếm sườn núi với những lưỡi đỏ rực, trong khi ấy một trận mưa đá và lửa, tàn phá và diệt tận mọi sự sống xung quanh ngọn núi phần nọ ấy. Và một giọng như sấm vang dậy. « Ngày, Ta tuyên bố cho các ngươi biết, vũ-trụ đang bị đốt cháy, bị lửa tham dục, lửa hận thù và lửa vô minh đốt cháy ».

Ngọn núi thứ ba được tắm trong ánh sáng tươi mát của mặt trời, và chóp núi rực chiếu với tuyết trắng và tuyết trắng, trên màn trời xanh biếc, — xa bụi đời, trong sạch, ngoài giới hạn của phạm phu... Nhưng một hòn núi thứ tư hiện ra một bên hòn núi ấy, cao dần với tám bậc cấp lớn, và từ cấp bậc cuối và cao hơn hết, một hào quang muôn sắc chói sáng và bắt một móng cầu vòng bảy sắc đến chóp núi trắng và chói sáng ấy. Và giọng nói của đức Phật lại vang dậy cùng khắp « Con đường giải thoát đã được tìm thấy, con đường Thánh-Đạo tám ngành, đưa ngang qua là : Chánh tri - kiến, Chánh tư - duy, Chánh - ngữ, Chánh - nghiệp, Chánh-mạng, Chánh tinh-tấn, Chánh-niệm, Chánh-định cuối cùng đưa đến Niết-Bàn giải thoát ».

Có nhiều khu rừng đẹp dưới chân những núi giải thoát, và nhiều người muốn tự sửa soạn để leo lên ngọn núi dốc, tự ăn mình trong những chỗ thanh tịnh của những khu rừng ấy, và tự hiến mình trong một đời sống thiếu thốn và thuyên quán. Và chúng tự dựng lên những bức tường xung quanh chúng, để chống ngự với đời và những ảnh hưởng phiền nhiễu của nó ; Nhưng chúng càng đóng cửa ngoài cuộc đời bao nhiêu, chúng càng ít được nhận biết nhưng ngọn núi mãnh liệt ấy bấy nhiêu, và tiếng động nước chảy của con sông lớn càng nhỏ dần và nhỏ dần.

Cuối cùng, các bức tường trở thành cao, cho đến nỗi ngọn núi Giải thoát không được trông thấy nữa. Nhưng các vị ẩn sĩ còn nhớ được 4 hòn núi và con đường tám ngành, đưa đến chóp núi cao nhất và viết được nhiều quyển sách bác học về những nguy hiểm và kỳ lạ của những ngọn núi ấy. Và dầu cho cõi đời mà chúng đóng cửa ngoài lại, vẫn nuôi sống chúng và cho chúng áo mặc, chúng cảm như đã độc lập đối với đời, và như vậy không còn cần phải từ giả khu rừng chúng ẩn núp và bắt đầu leo lên ngọn dốc cao hơn, cử chỉ ấy chỉ có một số

ít làm được, và càng ít hơn là những người leo lên tận chóp núi. Số ít người ấy không bao giờ trở về nữa.

Nhưng con sông vẫn chảy mãi mãi, như không gì xảy ra. Và như vậy nhiều năm đã trải qua trong khu rừng để chịu ấy, cho đến một ngày kia, tiếng gọi của con sông vang đến một số nhà ẩn sĩ, vẫn còn giữ sống được niềm giải thoát, chưa bị diệt mất hẳn. Và rồi chúng bắt đầu dẫn mình trên con đường mạo hiểm ấy, và chúng càng tiến xa bao nhiêu, chúng càng nhận thấy con sông ấy chảy về hướng mục đích mà chúng hướng tìm, và con sông ấy càng rộng càng cuộn nhiều nước hơn, nhiều nhà chiêm bái cùng đến san sẻ chiếc thuyền rộng rãi đưa chúng tiến tới.

Cứu Cảnh

Hình như chiếc thuyền lớn dần cùng nhịp với con sông lớn dần và toàn thể giới đều được mời lên cùng đi. Và thình lình, chúng nhận thấy con đường chánh 8 ngàn đưa chúng thẳng ngang qua cuộc đời, và bước đầu tiên là sự nhận hiểu không gì gián cách chúng ta và các bạn đồng hành, trừ đó là sự hiểu lầm cho mình là hạng người độc nhất đặc biệt. Một lần sóng tình thương ấm cúng phát từ quả tim của chúng, bao trùm những bạn đồng hành và tất cả mọi chúng sanh cho đến khi chúng cảm thấy rộng mênh mông và tự do như trời rộng bao la. Con đường tinh thần và con sông trở thành một và chảy về phía mặt trời đang lặn và như tự hoà hợp mình trong ấy. Và hào quang nước của sự sống hòa lẫn với ánh sáng của mặt trời Giải thoát và hình như ngọn núi cô độc của giải thoát cá nhân sự rục rỏ của mình nhờ sự phản chiếu phát từ con sông và mặt trời lặn mà con sông ấy chảy vào.

Và hào quang của mặt trời lan tràn đầy và vô số đức Phật và các vị Bồ-Tát những vị đã đi và những vị sẽ đi. Vì rằng thế-giới ấy không còn thời gian, và quá khứ cùng vị lai hòa hợp thành một trong hiện tại vĩnh viễn. Vậy nên, mặt trời lặn, chỗ con sông chảy đến, sẽ không bao giờ lặn, và hào quang của nó sẽ không bao giờ tàn diệt đối với những kẻ đã hướng đi theo con sông ấy.

TIẾNG HỒNG - CHUNG

Trường giang trăm trượng
Du du mây vờng
Lớp lớp âm vang
Hồng - chung núi thẳm.



LẠCH NHỎ CHUÔNG CHIỀU

Hồng - chung đã lặng
Mấy dặm cô thôn
Lạch nhỏ cây trường
Vòng con nước động.



BÓNG HỒNG - CHUNG

Ao nghiêng nửa gác
Sầm u đại hồng
Che nửa vòm không
Rợp sao đáy thẳm.



HỒNG - CHUNG GÁC CŨ

Tịch sầm Chiến lũy
Nguyệt mác rừng gai
Kẹt giữa thi hài
Nhìn con mắt nửa

Đầy am xác vờ
Gió rít hồng - chung
Gác xưa lạnh lũng
U u tiếng dội.



BÓNG NGƯỜI KHUA CHUÔNG

Hai bờ chiến lũy
Một mái am xưa
Còn đến bây giờ
Mấy trùng tang hải
Hoàng - hôn đã lại
Một bóng Ni - cô
Lần lên gác xưa
Chiếc chày khua mộ
Đội hồng tiếng cũ
Trầm lắng mệnh - mang
Đạn nổ hai hàng
Bóng thềm xiêu đổ
Cán chày khua mộ
Còn đó trong tay
Trên mặt huyết lầy
Am xưa gác quạnh.

- 1) Hồng-chung, đại-hồng-chung, đại-hồng: chuông lớn của nhà chùa.
2) Bài cuối cùng viết theo liệu-thuyết của Thiệu-Giang.

Lạn-Tương-Như

Của NHƯ-TÂM

**A voir ce que l'on fut sur terre
et ce qu'on laisse**

**Seul le silence est grand, tout
le reste est faiblesse**

(Alfred de Vigny)

*(Gẫm xem người là gì và để lại gì
trên quả đất*

*Chỉ sự lặng im là cao cả, ngoài ra
là yếu hèn).*

Có những sự im lặng làm
cho chúng ta phải chiêm
ngưỡng.

Sự im lặng của Lạn-Tương-
Như là một trong những
trường hợp ấy.

Lục-Hiền, quan nội thị của
Huệ-văn-vương nước Triệu
mua được một viên ngọc bích
quí vô giá của họ Hòa, Triệu
vương được tin muốn chiếm
đạt. Lục-Hiền viện cố thác
từ không đem dâng. Trong

dịp sẵn bản, vua Triệu đến
nhà Lục-Hiền tìm được viên
ngọc liền lấy mang đi. Lục-
Hiền sợ tội, muốn trốn qua
nước Yên. Lạn Tương-Như,
môn hạ của Lục-Hiền cản lại:

— «Lệnh công có quen biết
gì với vua Yên không mà lại
dem thân đến nước người?»

— «Năm trước tôi đi theo
đại hội với Đại-Vương, vua
Yên cầm lấy tay tôi nói rằng:
«Xin cùng người kết nghĩa.»
Như vậy tôi mới quen biết
nhau cho nên bây giờ tôi qua
đó.»

— «Thế là Lệnh-công làm
rồi. Nước Yên yếu thua nước
Triệu mà Lệnh-công lại được
vua Triệu ưa nên muốn kết
bạn với Lệnh-công, không
phải cố ý hại dãi Lệnh-công
đâu, chính là để hậu dãi vua
Triệu. Bây giờ Lệnh-công dắc

tội bỏ trốn qua Yên, tất vua Yên sợ Triệu đánh, thế nào cũng bắt Lịnh-công để cầu công, mạng Lịnh-công khó toàn, chỉ bằng tới xin củi đầu chịu tội. Vua đã được ngọc bích, ắt tha Lịnh-công » Lực-Hiền nghe lời, quả nhiên được tha. Công đầu ấy đặt Lạn - Tương - Như lên hàng « thượng-khách ».

Vua Tần biết chuyện, ao ước viên ngọc quý, lập mưu đem 15 thành qua đổi để chiếm đoạt. Tần mạnh, Triệu yếu, và :

*« Lý lẽ khỏe lúc nào cũng cứng
(La raison du plus fort est
toujours la meilleure)*

(La Fontaine)

nên Triệu-vương vừa sợ vừa tiếc. Đem ngọc bích qua Tần thì ngọc bích mất mà 15 thành không chắc có. Không đem qua, sợ vua Tần ra oai rồi đất Triệu cũng sẽ vào tay Tần. Tiến, thối lưỡng nan. Các quan đại thần được đòi đến thương nghị. Ý kiến bắt đồng kẻ muốn đem, người thích giữ. Vua Triệu đã bối rối lại càng thêm bối rối. Muốn được lưỡng toàn, chỉ còn có cách chọn một người trí, dũng đem ngọc bích đi,

nếu nhận được thành thì dâng bằng không thì mang về. Mọi cặp mắt đổ dồn về Liêm-Pha, một dũng tướng thông binh pháp mà lẫn bang khiếp sợ. Nhưng Liêm-Pha chỉ cúi đầu không nói một lời. Trong sự bối rối ấy, Lạn-Tương-Như được đề cử. Lạn mạnh mẽ nhận lời :

« Tần mạnh, Triệu yếu. Không đổi thì không yên, vì một ngọc bích đổi 15 thành giá đã hậu rồi. Không thuận đổi là lỗi nước Triệu. Còn Triệu không đợi Tần nạp thành mà đem ngọc bích qua hiến trước tức đã giữ đúng lễ. Lấy được ngọc bích mà không đổi thành là lỗi tại Tần, 15 thành còn đó, ngọc bích còn đây, như Đại-vương không lựa được người nào để đảm đương việc ấy thì tôi xin phụng mạng đem đi. Nếu vua Tần không giao thành tôi xin mang về ». Lạn-Tương-Như được phong làm Đại-phủ, đi vào hang cọp.

Tần-vương khi thấy ngọc bích mừng rỡ chuyển cho mọi người xem mà tuyệt nhiên không dả động đến việc đổi đất giao thành. Biết chắc bị lừa, Lạn - Tương - Như lập kế :

— « Ngọc ấy có vết nhỏ, tôi xin chỉ Chúa công xem ».

Khi cầm được ngọc bích trong tay. Trương-Như dựa gần bên cột đèn, làm mặt giận bảo :

— «Được thư của Chúa công chúa tôi đòi các quan tôi nghị. Không ai muốn đem ngọc bích qua vì sợ Tần ý sức mạnh nói dối để chiếm ngọc. Nhưng tôi nghĩ một bện áo vải với nhau còn nói không sai lời, huống chi một vị vua vạn thặng như Chúa công. Lẽ nào lấy lòng xấu đả nhau, cho nên chúa tôi trai giới tôi 5 ngày mới khiến tôi đem ngọc bích qua đây, thật đã hết lòng kính trọng. Nay Chúa công khinh của quý, không có ý muốn giao thành, cho nên tôi lấy ngọc bích lại, dầu Chúa công có bức tôi thì cái dầu của tôi cùng với viên ngọc Dạ-quang này đều vỡ tan tại cột đèn này, thà chịu chết mà không nỡ để người Tần chiếm đoạt ».

Tần vương sợ mất ngọc quý truyền bá quan đem bán đồ đến chỉ địa giới 15 thành cho Lạc-Trương-Như. Vẫn nghi ngờ, Lạc-Trương-Như ra điều kiện bắt vua Tần phải trai giới trong 5 ngày

và bảy đủ nghi vệ mới dâng ngọc bích. Tần vương nhận lời, một mặt cho lập trai đàn lấy lễ, một mặt triệu tập các sứ thần chur hầu về ra oai. Trương-Như cho người mặt áo vải, dấu ngọc quý vào túi đem về dâng vua Triệu với tâm thư: « Tôi sợ nước Tần nói dối không quyết giao thành cho nên sai tòng giả đem ngọc bích về Đại-vương. Còn tôi ở lại đây có chết cũng khỏi nhục mạng vua . »

Năm ngày sau, đúng kỳ hẹn Lạc-Trương-Như thông thả đến làm lễ yết kiến.

Thấy Trương-Như với tay không, Tần-vương hỏi :

— « Sao sứ thần không đem ngọc bích tới ? »

Trương-Như từ tốn trả lời :

— « Nước Tần, trước sau hơn 20 vị vương làm việc gì cũng dùng trá thuật. Trước kia Khi-Tử đổi Trịnh, Mạnh-Minh đổi Tề. Gần đây, Thương-Uởng đổi Ngụy, Trương-Nghi đổi Sở. Việc trước còn rành rành. Tôi, bây giờ chỉ sợ Đại-vương nói dối, phụ lòng chúa tôi nên đã sai tòng giả đem ngọc bích về Triệu rồi, xin Đại-vương lượng thứ cho. »

Tần-vương nổi giận, truyền tả hữu bắt Trương-Như trói lại. Sắc mặt không biến đổi, trước mặt đông đủ chư hầu, họ Lạn vẫn ôn tồn giải bày:

— « Tinh thể bây giờ Tần mạnh hơn Triệu, nhưng nước Tần có ý phụ nước Triệu, chứ Triệu không bao giờ phụ nước Tần. Đại-vương thật lòng muốn đổi ngọc bích, nên cắt đất 15 thành giao cho nước Triệu rồi khiến một vị sứ thần đi với tôi qua lấy ngọc bích, nước Triệu đâu có dám thất tín với Đại-vương.. Tôi đã gửi lời về tâu chúa tôi, tôi không trông sống về trở về nữa. Bây giờ các nước chư hầu có mặt ở đây đều biết nước Tần vì cớ muốn ngọc bích mà giết sứ Triệu, lẽ ngay gian đã rõ rồi, thôi cứ phép gia hình, tôi đành chịu chết. »

Cả Tần vương lẫn các Sứ thần im lặng nhìn nhau, không thốt nên lời, trở mắt nhìn Trương-Như vẫn bình thản đợi chờ. Qua phút bàng hoàng khó chịu, tả hữu xông vào kéo Trương-Như ra. Tần vương cần lại:

— « Giết Trương-Như thì

ngọc bích đã không lấy được lại còn mang tiếng bất nghĩa, hai nước lại tuyệt tình giao thông ».

« Mạnh chẳng tay khôn, »
Cừ non đã thắng chó sói
Trương-Như được tha về nước,
ghi điểm son thứ hai.

Thua trận này bày trận khác là phương châm kế hiểm chiến. Chưa đoạt được ngọc qui, Tần vương còn lăm le, còn tiếc nuối bèn cho sứ mời vua Triệu đến hội. Triệu-Văn-Vương không muốn đi, Liêm-Pha bàn với họ Lạn « Nếu vua không đi, thì tể ra vua sợ nước Tần. » Thế là Lạn-Trương-Như lại xung phong hộ giá vua. Vua Triệu yên lòng: « Ngọc Bích còn đem trở về được, ta có Trương-Như đi theo còn lo gì. »

Hai vua gặp nhau lại Miên-Tri, yến tiệc linh đình, một cuộc gặp gỡ bất đắc dĩ, nặng nề không khí nghi ngờ. Tần-vương tấn công trước: « Ta có cây đờn thiết tốt, nghe Đại Vương có tiếng giỏi nhạc, xin thử một bản cho vui », Vua Triệu giận đỏ mặt. Đường đường một

vương-vị, đến đây làm tên
gậy dòn? Giận nhưng không
dám từ chối; đành ôm đầu
gậy bản Tương linh. Nhục
nhã hơn khi Tần-Vương đòi
Ngự sử chép vào sách:
« ngày ... tháng ... năm ..., vua
Tần với vua Triệu hội ở
Miễn-Tri, khiến vua Triệu
gậy dòn ».

Trong lúc Triệu văn-Vương
cúi đầu e thẹn, Tần-vương
nở nụ cười khoái trá, thì một
người đứng lên: Lạn-Tương-
Nthur. Lạn lấy bầu rượu, qui
xuống dâng lên vua Tần:
« Tôi nghe Đại-vương hay
tiếng nhạc nước Tần, tôi xin
dâng giống này, Đại-vương
dành thử ít tiếng cho vui. » Vua
Tần giận dữ không chịu đánh.
Tương-Nthur hét lớn: « Đại
vương ý thế Tần mạnh hay
sao? Nội trong 5 bước, Đại
vương không thoát khỏi tay
tôi ». Tương tá Tần vương
đứng dậy, căm tức. Nhưng
thấy Tương-Nthur tóc chỉ
ngược mắt trợn lên, lăm lăm
chươi kiếm phải ê chề ngồi
xuống. Vua Tần tuy không
bằng lòng, nhưng có ý sợ phải
dẫn lòng đánh cái bầu một
tiếng. Tương-Nthur đòi Ngự sử
nước Triệu, chép vào sách.
« Ngày ... tháng ... năm ... vua
Triệu và vua Tần hội ở

Miễn-Tri, khiến vua Tần đánh
cái bầu ».

Một phút im lặng. Tương-
Nthur mỉm cười. Triệu vương
mặt như hoa. Sóng gió qua,
các quan nước Tần đồng
thanh đứng dậy gỡ gạc.
« Ngày nay quân vương đã
phiên tới đây, xin cất mười
thành để chúc thọ vua Tần ». Chưa dứt hết câu, Tương-
Nthur đã đứng dậy: « Lễ đã
có đem qua, thì phải đáp
lại. Nước Triệu đã dâng 15
thành cho nước Tần, xin
nước Tần cũng phải lấy đất
Hàm-dương chúc thọ Vua
Triệu ». Biết không địch nổi,
vua Tần xí xóa: « Tự hai
ta kết tình hòa hiếu, các
người chớ có nhiều lời ».

Từ một tên môn hạ vô
danh — Lạn - Tương - Nthur —
nhờ ba tấc lưỡi, nhờ « Ủy
vũ bất năng khuất » — đã
không những bảo toàn ngọc
qui còn vẹn toàn thanh danh
của Tổ-quốc giang sơn. Vào
miệng hùm ...

Vào miệng hùm hang sói
Lạn-Tương-Nthur không run sợ
ngang nhiên làm cho đối
phương kinh trọng, nể vì.

Thành tích chồng lên thành
tích, sau bao phen vào tử

ra sinh, Lạn - Trương - Như
nghiêm nhiên được thăng chức
« Thượng tướng » với lời tuyên
 dương giữa Triều đình : « Nhờ
có Lạn - Trương - Như mà ta
được yên thân ; nước được
trọng thể, Trương - Như thiệt có
công lớn, đình thần chẳng ai
hơn ».

« Đình thần chẳng ai hơn ».

Câu này làm chạm lòng vị
võ tướng Liêm - Pha. Khi con
nhà võ nổi trận lôi đình, lời
lẽ có giá trị như gươm dao :
« Trương Như là một người
xuất thân vi tiện, chỉ lấy miệng
lưỡi vi lao, so với ta đánh Bắc
Đông, công cán hơn ta
sao được, mà chức vị ở trước
ta, khiến ta phải chịu khuất ?
Bây giờ hề thấy Trương - Như
thì ta đánh chết không tha ».

Lời nói ấy bay đến thủ thi
với Trương - Như :

...« **Me voilà ! je sors de la
bouche d'un tel** ».

**Et c'est fait. vous avez un
ennemi mortel.**

(La discrétion - Victor Hugo)

« *Này đây ! tôi từ miệng ấy mà
ra* ».

Rồi đây. Anh có một kẻ tử thù ».

Đuốc Liêm - Pha, đã châm

lên. Trọn người Liêm - Pha
đang bốc cháy vì hận thù.

Lạn - Trương - Như xử sự sao
đây ? Đổ dầu vào lửa hay
rưới tắt thù hận ? Thế là
Trương - Như đã mang tiếng hèn
nhất khi cố tình tránh mặt
họ Liêm.

Trước sự khiêu khích của
đối thủ, Trương - Như một mực
lặng im. Một im lặng đưa đến
hai hiểu lầm :

★ Liêm - Pha càng lên mặt
táo tợn.

★ Bọn tay chân của Trương -
Như bắt mẫn thái độ hèn yếu
của chủ tướng đành xin rút
nghĩa thầy trò : « Chúng tôi
xa làng xóm, bỏ bà con đến
làm tôi tớ cho Trương - công,
tưởng rằng Trương - công là
người trọng phu chi khí.
Bây giờ Trương - công đã ngang
hàng với Liêm - Pha, phẩm trật
lại đứng trước, mà Liêm -
trương - quân nói nhiều điều ác
khẩu. Trương - công đi đâu cũng
tránh, không làm gì được
Liêm tướng - quân. Chúng tôi
kiến thức hẹp hòi, không biết
vi lẽ gì mà khiếp sợ lắm vậy ?
Thiệt là hổ thâm cho Trương -
công. Thôi chúng tôi xin đi
không ở nữa ».

Bên ngoài ép vào. Bên trong dồn ra. Nước cờ Lạn-Tương-Như đã đến ngõ bí. Đành thốt nên lời vậy:

« Ta vì có cơ cho nên tránh Liêm tướng-quân, các người tự không xét mà thôi. Các người thử xem, oai như vũ. Tần, thiên hạ ai cũng sợ mà ta còn đương giữa triều đình nạt nộ, nhục tới các quan. Tuy ta hèn hạ tới thế nào, một mình Liêm tướng-quân cũng chẳng sợ. Nhưng ta nghĩ lại, nước Tần không dám ra binh đánh nước Triệu, cũng có hai người: Liêm tướng-quân và ta. Bây giờ hai con cọp đấu sức nhau, thì không thể sống toàn được, chắc là người Tần sẽ thừa cơ tới lấn nước Triệu. Ta khinh thù riêng mà trọng việc chung, cho nên phải nhin nhục úy tị Liêm tướng-quân cho qua buổi mà thôi ».



À, té ra thế. Tôi thử phào khoan khoái. Độc giả cũng như gia nhân Lạn-tướng-công thoải mái tâm hồn. Lời lẽ của Lạn làm cho ta suy gẫm, đánh thức lý trí mọi người. Có hay gì cái thói « gà nhà một mẹ bói mặt đá nhan? » Có quý gì những con người được thế làm

tàn? Thái độ nhĩn nhĩn chưa hẳn vì hèn nhĩt, vì sợ uy. Sự im lặng còn có nghĩa khĩnh bỉ, không cần đối thoại. Một hình thức ồ ạt đầu phải là thịnh vượng? Những tổ chức rầm rộ có khi chỉ là « cả vú lấp miệng em ».

Ngon được Liêm-Pha chỉ đốt cháy Liêm-Pha. Khi phũn máu độc vào người khác thì chính miệng mình ngậm máu. Bạo tàn là phản ảnh lừa dục vọng. Những day tay bặm miệng sẽ được trả lời bằng miệng bặm tay day. Một Robespierre độc tài với chính sách khủng bố trắng trợn (terreur blanche) rồi cũng đến lượt lên máy chém, khi lòng dân bất mãn ề chề. Có sự tàn bạo nào vĩnh viễn với thời gian? Có sự tàn bạo nào mà không ghi lại trong lòng người sự uất hận?

Sự nhĩn nhĩn của Lạn-Tương - Như không mất ý nghĩa, không thiếu thiện chí xây dựng.

Ồn cổ đề tri tân. Giữa lòng thế kỷ hai mươi, văn minh vật chất càng lên cao, dục vọng càng lắm. Liêm-Pha thuở nay có đầy đủ mảnh khỏe, và phương tiện đề đề bẹp đối phương. Nhưng trước cũng

như sau, không thể dè bẹp được linh thần. Tàn bạo lan tràn đến lãnh vực tôn-giáo — ngay cả đạo Phật, một tôn-giáo mang sẵn bản chất hòa-bình từ thuở sơ sanh, — một tôn-giáo có thành tích nhân nhện trên đường truyền bá, và xưa nay có tầm tiếng tôn trọng sự sống của muôn loài.

Trước uy lực, Ngài Đại-Chi đã tự mổ bụng để phản đối chính sách cấm đạo của nhà Tày. Có kẻ dửng dưng rùn chí, không dám lộ mình là Phật-tử. Vì kinh tế, có người đã nhắm mắt cắn cầu (chắc hẳn cá này còn rẻ hơn mồi). Đáng thương hơn là ai đây vì hoàn cảnh đành đặt bàn thờ trong tâm tưởng!

Nhìn chúa Jê-sus bị đóng đinh trên cây thập tự, ai không phỉ báng tên phản bội Giu-đa? Dầu cho Phi-e-rô vì hèn nhát, vì sợ uy mà chối Chúa ba lần lúc Chúa gặp nạn, ngày hôm nay người theo Chúa vẫn còn khổi. « Hề ai cầm gươm thì sẽ bị chết vì gươm ». (Ma-thi-ơ — 26-52) Gieo ác nhân, gặt ác quả là lẽ tất nhiên của luật nghiệp báo.

Nhìn về quê hương Phật,

Phật-giáo Ấn-độ đã có lần như bị tàn sát đến gốc rễ. Thế mà ngày nay hàng triệu dân Ấn đã trở về với đức Phật, cho đến Thủ-tướng Nehru, người lãnh đạo dân Ấn cũng đã tuyên bố trong dịp lễ Budoha Jayanty : « Tôi đến đây để tìm một ánh sáng từ bi mà tôi không thể tìm được ở một nơi nào khác ».

Ngày nào, nhân loại còn đòi hỏi hòa bình, ngày ấy Phật-giáo còn lãnh một vai trò quan trọng. Con đường hòa bình không phải chỉ thênh thang lướt nhựa, đầy bướm, đầy hoa. Gandhi được suy tôn là Thánh, không phải vì đã giành được độc lập cho dân Ấn mà vì chính sách « bất bạo động » của Ngài.

Người Phật-tử có trước mắt một bức tranh giá trị hơn viên ngọc Dạ-quang mà Tần Triệu giành giật nhau: bức tranh đức Thích-Ca chiến đấu với Ma - vương — hiện thân của bạo lực — dưới gốc Bồ-Đề trước giờ Thánh đạo.

Ta thấy gì ?

Một vị tu hành đơn thân độc chiếc, không gươm, không súng, không tầm vông, không mã tấu, lấy nụ cười, lấy hiền

hòa làm khi giới mà thắng được quỷ sứ tàn bạo nào hò hét vang trời, nào hò hoán âm binh bộ hạ, nào sấm chớp phong ba!

Ta nghĩ thế nào?

Khi nào thì Ma vương ra tay? hẳn là lúc thấy y tin của mình hết. Hào quang của đức Phật quá sáng ngời, bọn Ma vương sợ hết đất dựng võ. Sợ những ngón phù phép, tay bùa, tay ấn không làm lóa mắt được ai. Chính sách bạo động quả là hiện tượng của con đường cùng.

Ta hành động sao đây?

Cười như đức Phật.

Hiền như đức Phật.

Kiên nhẫn hơn đức Phật và một lòng trung kiên trước phong ba bão táp của thời đại, không chĩa mũi súng vào ai, quay lại nhắm vào mình.

Không ai ngoài ra tóng đồ của Chúa Jê-sus đã phản bội Chúa.

Không ai ngoài ra đệ tử của Chúa Jê-sus đã chối Chúa Jê-sus.

Chính đồng đảng của Gan-đhi đã ám sát người.

Kẻ bắt Chi-sĩ Phan-bội-Châu, Hoàng-hoa-Thâm nào phải đầu người ngoài hàng ngũ?

Chỉ những Phật-tử mới phá hoại được đạo Phật. Ít nhiều ý nghĩa lệch lạc, ít nhiều lời nói thiếu suy, ít nhiều hành động nông nổi, ít nhiều tâm niệm hời hợt cũng đủ hạ thấp giá trị của đạo Phật rồi. Nhìn vào căn bản giáo lý, nhìn về lịch-sử quá khứ cũng như ở hiện tại, Phật tử biết chắc ở tương lai.

« Dẫu ai nói ngã nói nghiêng

« Lòng ta cứ vững như kiềng ba chân... »

Phải nhìn xa để thấy rộng.
Phải xem trước để biết sau.
Đời đức Thích-Ca đó: một bài học chiến đấu.

« Chiến đấu không gian nan.

Thành công không rạng rỡ »

(À vaineu sans péril, on triomphe sans gloire)

(Corneille)

Trên con đường chiến đấu cho hòa bình, hẳn nhiên phải gặp nhiều trở ngại, nhiều bặt miệng tay dạy.

— Nếu họ giết người thì sao? (Lời đức Phật hỏi Ngài Phú-Lâu-Na khi giao trách nhiệm hoằng hóa một nơi có tiếng là độc ác).

— Thì con xin cảm ơn họ. Vì nhờ họ mà thân con được giải thoát. (Phú-Lâu-Na đáp).

«Ai không sợ chết, tuyệt nhiên không sợ dọa nạt».

(Qui ne craint point la mort, ne craint point tes menaces.)

(Cornille)

Những con người « uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di, phú quý bất năng dâm » còn nhiều và còn biết mình đang thi gan với thử thách. Những thử thách mà chính họ biết « đời đã dành riêng cho họ những mốc giới của cố gắng ». Không ai phủ nhận lực lượng này của Phật-Giáo và cũng chẳng ai sợ lực lượng ấy, vì « nó » không khuyh loét một ai. Có sợ chẳng là sợ ảnh hưởng của nó mỗi ngày một lan rộng, sợ giáo lý của nó càng ngày càng sáng chói trong lúc mọi lý thuyết cổ kinh đua nhau tàn rụi.

Liêm-Pha đâu có sợ sức mạnh của Lạn-Tương-Như?

Liêm-Pha chỉ sợ tư cách chói lòa của họ Lạn mà ra uy đấy thôi.

Lạn-Tương-Như đâu có sợ uy của Liêm-Pha? Có sợ chẳng là sợ hoàn cảnh « đục nước béo cò » trong lúc Tần vương đang dìm ngó. Có sợ chẳng là nếu đứng ra đối chọi với Liêm-Pha thì tư cách của họ Lạn cũng chỉ ngang hàng với họ Liêm mà thôi!

Trong trò chơi « trốn tìm » của Lạn và Liêm một kẻ đau lòng: Chi-sĩ Ngu-Khanh, Ngu-Khanh lãnh trách nhiệm hòa giải:

« Công lao thì không ai bằng Tương-quân, nhưng làm người độ lượng thì nên nhường Lạn quân ».

Chạm tự ái, Liêm-Pha nổi giận:

« Tương-Như kia là người vị tiện, chỉ lấy miệng lưỡi được công danh, có độ lượng chi mà xưng tụng? »

Ngu-Khanh thuật lại sự tình rồi kết luận:

« Lạn quân kiến thức rộng
lắm, Tướng-quân không muốn
gởi mình với Triệu thì thôi,
nếu có lòng vì nước vì vua mà
hai vị đại thần một người
nhượng một người giành, sợ
Tướng-quân cũng khó nên
được một bậc danh thần ».

Tự ái nhường chỗ cho lễ
phải. Nhờ Ngu-Khanh đi trước,
Liêm-Pha đến nhà Trương-Như:

« Bỏ nhân chi lượng hẹp
hòi, không biết Tướng quốc
có lòng bao dung đến thế,
tội lỗi tôi bây giờ nói sao
cho xiết ».

Nói rồi qui thẳng ở giữa
sân. Trương-Như lật đật chạy
ra đỡ giầy.

Quả thật là hành động
của kẻ biết người... biết
ta... Đồi mắt nhìn nhau,
nụ cười thông cảm, tình
người giao hòa, cõi lòng
rộng mở.

Vũ-uy của Liêm-Pha còn
kia, nhẹn nhục của Trương-
Như còn đó, thành công
của Ngu-Khanh còn đây cho
người đời phê phán:

**« Vous n'arracherez pas la
branche avec le fruit,
Gloire à la main qui sème,
honte à la main qui nuit ».**

(Lamartins)

(Đừng có ngắt cành cây quả,
Vinh quang cho bàn tay gieo
vãi, nhục nhã thay tay người
phá hoại).

« Tiếng Chuông Lòng » đội buổi tan sương.

Đảnh lễ quy-y trước Phật-đường.

Soi tỏ tâm-linh nhờ đước tuệ.

Rưới tan tục-lụy sẵn cành dương.

Giữ niềm bác-ái không sai chày.

Thời bệnh sân si khỏi vấn vương.

Tôi cũng như ai phường đạo-hữu,

Mong vào cửa Phật đến Tây-phương.

UNG-BÌNH THỨC - GIÀ - THỊ

Cám dỗ sau khi đợc tập thơ Tiếng-chuông-lòng

V. — ZEN và NHÂN-CÁCH

Đàn bà có đức hy-sinh, đàn ông có tánh dũng-cảm, kẻ ác thì đàn ông cũng ác, người lành thì đàn bà cũng lành. Nếu có tâm cầu-pháp, có chí xuất-ly thì cả nam và nữ đều được bình đẳng nhập-đạo.

CHÁNH-PHÁP NHÂN-TẠNG LỄ-BÁI ĐẮC-TỬY.

TRONG phái Zen vấn-đề sáng chiếu quán-tướng, lễ-bái hình tượng Phật-tổ là một việc rất cần thiết. Để tiện-lợi cho việc lễ-bái quán-tướng này, ở trong phòng của mỗi người tu thuyền đều có trang bày hình tượng Phật-tổ. Người tu thuyền tôn kính hình tượng Phật-tổ đến nỗi họ không bao giờ ngủ quay chân về phía có hình tượng. Sở-dĩ người tu thuyền tôn kính Phật-tổ như thế là vì họ kính trọng nhân-cách siêu-việt của Phật-tổ, và đồng thời họ tin rằng: những nhân-cách đức-tướng biểu lộ nơi hình tượng của Phật tổ là một sức mạnh thiêng-liêng truyền-cảm đến thân tâm của họ.

Trong phái Zen chữ «điện-thọ từ-pháp» là để diễn-tả cho ý nghĩa truyền-cảm này. Điện-thọ ở đây tức là chỉ cho sự tiếp-xúc truyền-cảm giữa hai cá-thể, hai nhân-cách: sư và đệ, hoặc là Phật-tổ và hành-giả cũng thế. Từ-pháp tức là sự nối tiếp kế-thừa đạo pháp do Phật-tổ truyền lại. Hình-tượng Phật-tổ là một hình thức phát sanh lòng tin «điện-thọ» và chỉ hướng «Từ-pháp» của người tu hành, nên phái Zen hằng ngày quán-tướng lễ bái các hình-tượng ấy.

Phương pháp tu tập của phái Zen là một phương-pháp «sư tư tương thừa». Vì thế chánh-pháp được truyền từ tâm đến tâm, từ nhân cách của Sư đến nhân-cách của Đệ là một chánh-pháp được gọi là chánh-truyền. Chánh-pháp chánh-truyền ấy là sanh mạng của đức Thích-Tôn, cũng là nhân

cách, tổ đạo của các vị tổ-sư để lại. Chánh-pháp ấy là chánh-pháp thuần chất nhất vị, tương tục truyền-thừa từ đời này qua đời khác. Chánh-pháp ấy không những là lời của Phật, tâm của Phật, mà là hiện thân của toàn thể nhân cách siêu-việt của đời Ngài. Người tu hành nương vào chánh-pháp chánh truyền ấy mà tu tập hành đạo và đào tạo thêm nhân cách của mình.

Chánh-pháp chánh-truyền đã là hiện thân toàn thể của Như-Lai, lại được truyền nối qua các vị tổ-sư, như thế hành-giả có bồn phận phải hộ-tri nó. Như một ngọn đèn liên-tục, được nối tiếp từ cây đèn này qua cây đèn khác, phải giữ gìn cho cây đèn ấy đừng gián đoạn nửa chừng, đó là bồn phận của Phật-tử. Toàn thể nhân cách tốt đẹp của Như-Lai đã truyền đến nơi các vị tổ sư, và nhân cách đạo hạnh của các vị tổ-sư đã truyền đến lại chúng ta; nhân-cách ấy tuy tùy thời, tùy chỗ mà biến thiên, nhưng vẫn là nhất vị tương tục. Vậy những người thừa lãnh nhân cách ấy như chúng ta bây giờ phải giữ gìn lấy, rồi truyền đến cho những người đời sau. Đó là ý nghĩa « sư tư tương thừa » của phái Zen.

Còn về phương pháp truyền thừa thì phái Zen chủ-trương « Bản-lai diện mục của mình không phải tìm nơi diện mục (mặt mũi) của mình; trái lại, phải từ nơi diện-mục của Như-Lai mà diện thọ ». Thật vậy, sinh mạng của chúng ta là vô thường sanh diệt; không thể tìm cái thường còn trong thân mạng biến đổi ấy. Thọ mạng của Như-lai mới thật là bất sanh diệt, về thọ mạng ấy là hiện thân của Phật tâm, là bản lai diện mục của muôn loài hữu tình. Thọ mạng của Như-lai quá khứ hiện tại vị lai, hằng còn không biến đổi, vạn kiếp thiên sanh, căn bồn chi mật tất cả đều nhất như bình đẳng. Nương vào thọ mạng ấy mà tìm bản lai diện mục, diện mục ấy mới là chân diện mục, chỗ đáo đạt của phái Zen,

Nhưng như một cây đại thọ, mỗi ngày một đám rễ này chồi, Phật-tử người thừa hưởng thọ mạng của Như-

lai cũng như thế, mỗi ngày một đòng đức lớn mạnh. Phái Zen thường chủ trương «sư được tư cường», nghĩa là đệ tử phải cố gắng tinh tấn tu hành để đạt đến quả vị siêu-việt hơn tổ-sư, các vị đã truyền thọ đạo pháp cho mình đồng thời họ cũng nỗ-lực làm cây chành-pháp, thọ mạng của Như-Lai mỗi ngày một sum-sê nảy-nở, che-chở muôn loài muôn vật.

Nhưng tại sao phái Zen chủ-trương «sư được tư cường»? — Cổ-đức nói: «Đệ-tử bằng Thầy thì một phần nửa đức độ của Thầy bị giảm-bớt. Đệ-tử hơn Thầy mới có thể truyền thọ đạo pháp, gánh vác trách nhiệm của Như-Lai» (1) người tu thuyền thường quan niệm: đã thọ ân giáo huấn của tổ-sư thì phải tìm cách đền trả. Có cao vượt hơn tổ-sư mong đền trả ân đức của tổ-sư. Chủ-trương «sư được tư cường» này không những chỉ có ý-nghĩa nâng cao nhân-cách của người học đạo lên ngang hàng với Phật-tổ, mà còn là một sự khích-lệ vô cùng đối với kẻ hành đạo, người nối tiếp sứ-mệnh của Như-Lai nữa. Chủ-trương này ngoài phái Zen của Phật-giáo, không có một tôn-giáo nào đề-cập đến.

Trong Phật-giáo nhất là phái Zen thường đề cao giá-trị và nhân cách của con người. Con người quyết định tất cả. Thọ mạng của Như-Lai có được phát triển hay không, chành-pháp chành-truyền có được trường-tồn vĩnh-tục hay không, là do sự hành đạo và truyền đạo của con người. Con người ở đây là chỉ cho những vị Tăng-già đức độ và những người chuyên tâm tu niệm theo Zen. Vì những người ấy có chí hướng thượng, có khả năng thừa-lãnh đạo pháp của Như-Lai để tự độ và độ tha.

Chủ trương đề cao giá trị và nhân cách con người đó là đặc điểm của Phật-giáo. Cũng do đặc điểm này nên Phật-giáo thường được gọi là tôn giáo của nhân gian. Tôn giáo ấy được phát sanh từ nhân gian và tồn tại cũng ở

1) Câu này được chép trong bộ «Lâm-Tế lục» và đoạn Bích-Nham lục điều thứ 11.

trong nhân-gian. «Phật pháp tức là thế-gian pháp» là chỉ ý-nghĩa này. Còn câu «Tất cả chúng đều có Phật tánh» là nêu rõ chủ trương đề cao giá trị và nhân cách con người của Phật-giáo. Ngài Bồ-Đề Đạt-Ma, tổ sư của phái Zen cũng đã nói: «Chánh-giáo thường khai thị cho chúng sanh biết rằng: mọi loài hàm sanh đều đồng một chân tánh.» Hai câu văn đã cùng diễn tả một tôn chỉ của Phật-giáo. Đó là tôn chỉ nâng cao địa-vị của con người nói riêng, của các loài hàm sanh nói chung.

Đã nói rằng: «mọi loài hàm-sanh đều đồng một chân-tánh» thì người và vật là cùng chung một bản-thể. Nhất là thế-giới loài người, mọi người không những chỉ cùng chung một bản-thể, mà còn ở trong một hình-loại, một đơn-vị và một xã-hội giống nhau nữa. Vì thế muốn đánh giá con người không thể nương vào những hào-nhoáng bên ngoài, trái lại, cần phải căn-cứ vào đạo-đức, phẩm-tánh và nhân-cách của người ấy. Mọi người đồng một Phật-tánh, chung một bản-thể thì không thể phân-biệt trai gái, giàu nghèo, quý tiện v.v. . . nhất là trong phương-diện tu chứng thì lại càng không thể phân-biệt hơn nữa.

Trên lý-thuyết thì như thế, nhưng trong lịch-sử của loài người thì trái hẳn. Người ta đã hô-hào «nam nữ bình-quyền», nhưng phái phụ-nữ bao giờ cũng bị thiệt thòi khinh-thị. Tôn-giáo tuy xưng thuyết «nam nữ bình-đẳng», nhưng có nhiều đạo-tràng tu-đạo đã cấm-chỉ không cho đàn-bà ra vào. Thiên-chúa-giáo, cũng như Phật-giáo, nhất là các nước theo Phật-giáo Tiều-thừa thường thường có những nơi tu-đạo như thế này.

Trong khi cả người đời và tôn-giáo phần nhiều đều như thế, thì ở Nhật-Bản theo với thuyết tuyệt-đối bình-đẳng của đức Thích-Tôn, Ngài Đạo-Nguyên Thuyên-sư trong quyển «Lễ-bái đặc tùy» đã nghiêm-nhiên đề-cao nhân-cách bình-đẳng giữa nam và nữ; đồng thời Ngài cũng đã bài-xích quan-niệm khinh-thị và cấm-chế phụ-nữ ra vào ở các đạo-

tràng tu-đạo. Ngài đã nói: «Đắc-đạo thì hạng người nào cũng có thể đắc-đạo. Tôn-kính pháp thì bất-cứ đàn ông hay đàn bà cũng đều có lòng tôn-kính ấy. Không phân-biệt hiền ngu, quý tiện, đó là pháp-tắc vô-cùng huyền-diệu của Phật-đạo». Ở đây, Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư không những chỉ nâng-cao địa-vị của phụ-nữ, mà Ngài còn đề cao giá-trị và nhân-cách của những người hèn-hạ, thấp kém nữa vậy.

Theo phái Zen, quan-niệm phân-biệt nam nữ, quý tiện, hiền ngu v. v. . . là quan-niệm hẹp-hòi, không phải quan-niệm chân-chánh của Phật-giáo. Trong Phật-giáo đã ghi-chép rất nhiều câu chuyện đắc-đạo của những người hạ-tiện bần-cùng, những người ở giòng-họ thấp-kém nhất của xã-hội. Những người này khi đắc-đạo thì chính những bậc vua quan quyền-quý, những người ở thượng-tầng giai-cấp xã-hội cũng phải đánh-lễ. Phụ-nữ cũng thế, một khi đã nhập-đạo thì không thể phân-biệt nam nữ. Giới nào cũng có thể tu-chứng được cả. Đạo-quả giác-ngộ là căn-cứ vào đức-hạnh và nhân-cách của từng người, chứ không phải phân-chia ranh-giới nam nữ. Trong người đàn-bà, nhất là khi đã chứng-ngộ, họ có những tánh-đức rất đáng tôn-kính. Đoạn văn «Đàn bà có đức hy-sinh, đàn ông có tánh dưng-cảm. Kẻ ác thì đàn ông cũng ác, người lành thì đàn bà cũng lành. Nếu có tâm cầu pháp, có chí xuất-ly thì cả nam và nữ đều được bình-đẳng nhập-đạo» của Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư trên là điển-tả ý này.

Tuy vậy, ngày xưa đã có những người tu-hành thế-nguyện suốt đời không ngồi cái ghế người đàn-bà đã ngồi, cũng có người vào trong núi sâu thế suốt đời không nhìn mặt người đàn-bà. Điều ấy dù đúng với phương-pháp tu-hành của các vị Tiểu-Thừa-Tăng đi nữa, nhưng đối với phái Zen thì đó là hành-động của những người chưa đạt-đạo. Thật vậy, nếu vĩnh-viễn tránh xa giới phụ-nữ thì làm sao mà thực-hiện được đại-nguyện: «Chúng sanh vô-biên thế-nguyện độ» của Bồ-Tát? — Cho nên đối với phái Zen, những người tu-hành thế-nguyện tránh xa phụ-nữ, tức là

những người tu-hành Tiểu-Thừa, theo quan-niệm độc-thiện. Những người ấy không đáng tôn-trọng. Người tu Thuyền họ lấy làm buồn cười khi nhìn thấy những đạo-tràng cấm-chế phụ-nữ tham dự. Bởi vì Zen là thực-hành theo hạnh «độ-sanh» của Bồ-tát vậy.

Quan-niệm phân-biệt nam nữ không phải chỉ mới phát-sanh ở những thế-kỷ gần đây, chính trong thời Phật còn tại-thế cũng đã có. Nhưng nếu căn-cứ vào tinh-thần của Đại-thừa Phật-giáo thì quan-niệm ấy là quan-niệm hẹp-hòi, không đúng với Phật-ý. Vì thế trong quyển «Lễ-bái đặc tùy» Ngài Đạc-Nguyên Thuyền-sur đã nói: «Ở Nhật-Bản có những việc rất đáng buồn cười: trong những cảnh-địa tu-hành, trong những đạo-tràng hành-đạo gọi là Đại-thừa mà cấm-chỉ không cho các vị Tỳ-Kheo-Ny, các giới phụ-nữ lễ bái. Những tập-tục ấy đã truyền-nhiễm nhiều đời, chôn mất giá-trị và nhân-cách của người hành-đạo». Đoạn văn này là lời than phiến của một Thuyền-sur, nhưng đồng thời cũng chứng tỏ một thái-độ rộng-rãi đối với mọi người, kể cả nam và nữ. Có thể nói đó là một tuyên-ngôn đề-cao nhân-cách phẩm-giá con người và xướng-đạo một phong-trào Phật-hóa phụ-nữ của phái Zen ở Nhật. (dĩ nhiên là phái Zen rất giữ gìn Tam nghiệp Thanh tịnh trong mọi trường hợp).

Đề nêu rõ những lợi-ích của Phật-giáo và của phái Zen đối với nhân-loại hiện-tại như thế nào, Bác-sĩ Masunaga có đề-cập đến những khoản-mục như sau: (2)

1. — Phật-giáo là một tôn-giáo chủ-trương hòa-bình. Trong lịch sử Phật-giáo không bao giờ có một cuộc chiến tranh, hay một cuộc đàn-áp các tôn giáo khác do Phật-giáo gây ra. Với thuyết-lý duyên-khởi, với tinh thần vô-ngã, Phật-giáo có thể xem là một pháp-âm đưa nhân loại đến hạnh phúc hòa-bình.

2) Phong-lược theo tài-liệu trong quyển «Hiện-đại Thuyền-học» độc-bản của Bác-sĩ R.Masunaga.

2. — Phật-giáo là một tôn-giáo đề cao phẩm-giá nhân-cách của con người và chủ-trương nam nữ bình-đẳng. Bình-đẳng ở hoàn cảnh xã-hội, cũng như bình-đẳng ở địa vị tu-chứng. Xương-đạo của thuyết này là đức Thích-Tôn, nhưng người áp-dụng và phổ-biến tư-tưởng này có thể được xem như là Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sur, tổ-sur của phái Zen ở Nhật.

3. — Trong cuộc đời phiền-náo bất-an này con người cần phải có Phật-giáo nhất là Zen để an-tĩnh tâm-thần, định-hướng bước đi. Hằng ngày trong giờ nội-tĩnh tịnh-tu giúp con người tìm hiểu ý-nghĩa của cuộc đời và giá-trị của nhân-sanh, do đó có thể tiến bước trên đường giác-ngộ.

4. — Chủ-trương của Phật-giáo là không chạy theo duy-vật, nhưng cũng không ngã về duy-tâm và thuyết-lý của Zen là « tâm vật nhất như, thân tâm nhất thể ». Vì thế Phật-giáo cũng như Zen là một học-thuyết, một tôn-giáo có thể dung-hòa giữa 2 nguồn tư-tưởng tương-phản ấy để đi đến lý-thuyết trung-đạo bất-thiên.

5. — Mục-dịch của Zen là truyền-bá rộng trong nhân-gian, và chủ-trương của Zen là « bình-thường tâm tức là đạo ». Phương-pháp tu-hành của Zen rất bình-đẳng giản-dị, nam nữ, hiền ngu, quý tiện v.v... mọi người đều có thể tu-hành được.

6. — Zen là một tôn-phái vô-sở-đắc, vô-sở-cầu. Phương-pháp tọa-thiền của phái Zen là chú-trọng ở phần thực-tiền, phát-triển khả-năng giác-ngộ, nâng cao giá-trị con người, có hiện-thể và hậu-thể đều được lợi-lạc.

7. — Lý-tưởng của Zen là tạo một cuộc đời giác-ngộ cho mình và người. Vì thế trong khi tọa-thiền mà không quên, không bỏ chúng sanh; cho đến các loại côn-trùng vi-tế cũng khởi niệm từ-bi, thể-nguyện cứu-độ. Công-đức

tọa-thuyền đều hồi-hướng cho chúng-sanh. Thật là một tôn-giáo vị tha, cứu đời vậy.

Ngoài các điểm trên, Bác-Sĩ Masunaga còn nêu ra nhiều thí dụ chứng minh rằng: Zen là một tôn phái rất hợp thời, hợp-cơ, tôn phái ấy thường chủ trương bình đẳng, không phân biệt nam nữ quý tiện. Tôn phái ấy nhằm mục đích đề cao địa-vị của con người lên ngang hàng với các bậc Thánh phái ấy là chánh-pháp truyền thống của Phật-giáo từ xưa đến nay. Một tôn phái như thế cần phải được phổ-biến rộng, truyền bá sâu vào các tầng lớp dân chúng để như cây đại thọ kia che-chở và cứu giúp mọi người mọi vật. Cuối cùng Bác-sĩ kêu gọi các hàng Phật-tử trên thế-giới này hãy đoàn-kết lại, chung sức hợp lòng khơi sáng lên ngọn đèn chánh-pháp của Như-lai, trước khi truyền rao lại cho các thế hệ về sau.

Tóm lại, nhân-cách là căn cứ vào hành-động và phẩm-tánh của con người, chứ không thể căn cứ vào địa-vị, giai-cấp, chủng-tộc, nhất là không thể căn cứ vào vấn-đề nam nữ sai biệt mà đánh giá được. Nhân-cách của Phật-tử là do sự hành đạo và truyền đạo mà có. Nhân-cách ấy hiện được truyền-thừa từ nhân cách siêu việt của Phật-tổ. Và nhân cách siêu việt của Phật-tổ là được biểu hiện nơi các hình-tượng mà hằng ngày người tu theo phái Zen thường quán tưởng lễ bái vậy.

THÍCH-THIÊN-ÂN

(Ký sau sẽ đăng: Khỉ-nguyên của Zen)

Chúng tôi có nhận:

Tuần báo Công-Đàn số 3 và 4 do ông Hồ bá Cao làm Chủ-nhiệm kiêm Chủ bút. Tòa soạn đặt tại 60-62 Ký-Con Sài-gòn.

Bản nhạc Phật-Giáo Việt-Nam do Viện Huyền-Trang Hộp thư 820 Sài-gòn xuất-bản.

Chúng tôi xin cảm ơn hai cơ quan trên và hoan hỷ giới thiệu «Tuần báo Công Đàn» và bản nhạc «Phật-Giáo Việt-Nam» với độc giả Liên-Hoa.

LIEN-HOA

Biết Sống

Câu Chuyện Phụ-Nữ
Thích-Nữ-Thê-Quán

SỐNG thì ai cũng biết sống rồi, vả lại khi tâm linh (thần thức) chưa ly khai thể xác, thì dù biết, dù không đều phải sống cả.

Nhưng sống, không phải một nghĩa giống nhau, thường tùy theo trường hợp, hoàn cảnh mà biến nghĩa chữ sống ra nhiều loại. Ví dụ: gặp hoàn cảnh đau khổ, người ta cho sống là bị sống, nếu chết được thì phước ba đời. Bờ thì có nhiều người tìm cách rút ngắn thời gian bằng lối quyền sinh, nếu không thì cũng sống vợ, sống vãn, sống dật-dờ, sống tối tăm.

Trái lại gặp hoàn cảnh đặc thời, người ta cho sống lại là được sống, rủi chết đi thì oan uổng quá, nên họ lật-đật cướp gắp thời gian, để sống mau, sống hồi bằng cách ăn chơi trác tán, dục-lạc, xa hoa.

Ngoài hai loại bị sống và được sống trên, còn một loại nữa là « Biết sống. » Vậy thế nào là biết sống? — Tôi xin thưa: Biết sống là người biết hưởng về nội tâm, sống với nội tâm nhiều hơn ý lại hoàn cảnh, cho nên họ có thể chuyển được hoàn cảnh khổ đau hiện tại ra thành an vui thanh thái. Thật mà, không tin bạn hãy đi với tôi đến thăm một người biết sống.

— Chị! Con nhà thế-phiệt, có học thức, sanh trong một gia-đình Phật-Hóa gương mẫu.

Ngày tôi còn ở nhà (chưa xuất gia) chị với tôi tuy không làm giao chí lắm, nhưng cũng nhiều lúc chia vui, xẻ buồn.

Trong tám món khô (1) chính thức đức Phật dạy, một mình chị cô-m-lam lãnh hết hai rồi. Nghĩa là khi chị lập gia đình chừng 5/6 tháng, thì anh ấy sang Pháp học. Giọt lệ chia lỵ gia đình chưa ráo, chị lại sut-sùi tiễn chồng đi xa, để rồi trở về cung phụng một bà mẹ chồng với 9, 10 mục o ông chủ. Bà cụ mẹ chồng kể ra cũng phước đức đầy, nhưng hai đồng tư tưởng trẻ, già khó gặp nhau, nên tuy không cay nghiệt lắm, mà cũng vẫn hay khó chịu.

Một hôm tôi đến chơi với chị, xớ-rớ lại gặp bà cụ, bà đương rầy chị dữ-dội, may có tôi vào chị được giải vây. — Không định đến với cụ, rồi gặp, nên tôi cũng phượng tiện vọng ngữ sơ sơ: Bầm, mạ cháu cho qua hầu thăm bác, và hỏi thăm anh cả bên Pháp kỳ thi này ra sao? Bà cụ cảm ơn cảm nghĩa hân-hoỉ, ngồi hầu bà cụ một chút rồi may sao cụ sửa soạn đi. Tôi chào cụ ra về, hai xe cùng đi, nhưng xe cụ chạy thẳng, còn xe tôi quẹo lại ngã sau, vì tôi định trở vào an ủi bạn một chút. Tôi nghĩ bà cụ đi rồi, chắc bạn tôi hiện chừ đương nằm úp mặt xuống gối mà khóc nức nở cho vui bớt niềm tủ nhục. Nhưng tôi rất ngạc nhiên, vì khi vào thì thấy chị đương đứng sờ sờ dưới bếp. Thấy tôi chị cũng ngạc nhiên, rồi vẫn cái vẻ khôi hài duyên dáng mọi ngày:

— Ủa em tưởng chị về rồi, té ra còn luân-hồi đó à?

— Vâng cũng tinh đi thẳng, nhưng thấy chúng-sanh còn khổ nên phải luân hồi để độ chúng sanh cái đã.

Chà, oai chưa? Nói cả giọng Bồ-tát, rứa mà không tu cũng ường, chị đi tu chắc thành Bồ-tát liền. Thôi mời Bồ-tát lên đây với em.

Hai đứa tôi vào phòng, chị đóng cửa lại. Tôi định bụng trở lui để an ủi bạn, song thấy chị không buồn chi cả nên tôi khen đức tánh nhân nại của chị thật tình.

Chị cười, rồi moi trong túi ra một mảnh giấy: Chị ơi!

1) Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, oán tăng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh.

Đây là bi quyết nhẫn nại của em — mới thấy lời tưởng là thơ của chồng chị, không thì cũng một bài chủ tiêu tại giải ách chi, tẻ ra một thơ «tử tuyết» nóng hổi. Thế rồi chị giải thích: Mẹ em tiếng rứa mà vô tâm vô địa chị ơi! Nên mình biết ý, khi mô bà cụ rầy thì em cứ đứng vòng tay cái đầu làm thỉnh. Rồi chị biết em làm chi? Em làm thơ chị à, đây là bà cụ mới bắt đầu quở thì chị vào, nên em chỉ làm tử tuyết, còn những khi quở hàng mấy giờ thì em làm «bất cú» hoặc «trường-thiên», rồi mình ham lo niêm luật của mình, bà cụ nói chi mình có nghe mô. Rửa khỏe chị ơi! Ngày vui rồi cũng qua, ngày buồn cũng hết, mình là Phật-tử phải biết tìm một lối sống thoát hơn. Nghĩa là phải sống với «nội tâm» nhiều hơn sống với «ngoại cảnh» phải không chị? — Rồi như thế, chị được tiếng là nhẫn nại, không hề cãi lầy, nên lâu bà cũng thương, nhất là chị được thiện cảm với một đàn em chồng lau hau. Hiện giờ thì chị hoàn toàn sung sướng.

Và bạn ơi! Lại đây thăm một thiếu-phụ nữa, cũng là bạn trăm-luân khờ-hỏi cả. Thiếu-phụ, hoa hậu một linh lớn, có học thức hẳn hoi, về làm dâu một gia-đình sang quý, hiện thời, (1930) chị sanh một cháu trai, trong cảnh hạnh phúc êm ấm, thì bỗng đâu giông tố kéo đến ầm ầm, phủ lên đời chị một đám mây buồn dày-dặc. Trong lúc chị mới có thai đưa con thứ hai, thì anh ấy đâm ra chơi bời, mê một cô nọ rồi bỏ chị, khi được sáu, bảy tháng, anh ta nói với mẹ: đưa con ấy không phải con anh. Tuy biết con ăn chơi, nhưng không tin con thì tin ai? Bà cụ sanh nghĩ ngờ dẫu, bà lạnh lùng với chị... người sốt rét nặng, bị nhốt trong phòng lạnh, tới e cũng chưa thăm chỉ với cái lạnh lùng của bà mẹ chồng lúc ấy. Than ôi! «Thành sầu chất ngất cao muôn trượng, bề khở mệnh mỏng sồng ngáp trời». Ba lần chị loan mượn dòng nước sông Hương để rửa sạch phiền khiên, oan trái... Đứng trên cầu Bạch-hồ, cứ mỗi khi sắp nhẩy, thì cái thai trong bụng lại cựa-quậy như nhắc chị nhớ linh thiêng-liêng làm mẹ, đức hy sinh của người đàn bà... rồi không chết. Chị thuê xe lên chùa Sư-nữ một buổi chiều mưa gió toi-bời. Nhìn người đàn bà thai nghén, Sư cụ động lòng từ-bi, địu-dàng khuyên dỗ chị và đề cao tính-thần tự-lập của người phụ-

nữ... Được gặp các vị tu hành chị cảm thấy lòng mình
ấm lại, rồi nhờ đức của sư cụ và các bà sư nữ gián
giải lần hồi chị cũng kháy-khỏa. Thêm vào đây, chị được
thấy các vị tu hành còn non trẻ, họ không cần ỉ lại tình
thương tạm bợ, mà họ vẫn sống, vẫn vui. Từ đây chị hay
lên chùa để vui với các ni-cô. Một hôm nhân nói về nhân
quả, chị chợt nhớ ra và thú thật: Ngày trước anh ấy đi
hỏi chị, chị chê anh ta kém học thức, đôi ba phen từ hôn,
nhưng vì thân phụ chị là bạn thân với ông bố chồng nên chị
đành chịu... Thế là chị bị quả báo hiện tiền (bị anh chê lại).

Được gần gũi các Ni cô, chị thấy vui vui, rồi chị đòi hẳn
chiều sống, chị vui vẻ, vì chị thấy ngoài gia đình nhỏ hẹp
tầm thường còn có một gia đình thênh-thang cao thượng hơn.
Chị sống cho con, sống cho cha mẹ, sống với đạo, tuy cảm
tình đạm bạc mà lành mạnh chân thật. Cho đến ngày chị sanh
đứa bé ra đời, nó đã mình oan cho chị, vì nó giống hệt bà
cụ (bà nội). Khi bà cụ đến thăm, thấy cháu, bà khóc và hối
hận vô cùng, thế là bà cụ trở lại thương chị. Rồi chồng chị
cũng rất hối hận trở về tha thiết xin lỗi. Chị vui vẻ giải thích:
Tôi không giận cậu, tôi nói thật, nhưng vì tôi đã tìm được
một lối sống giải thoát hơn, nhất là tôi không nỡ làm cho
một người đàn bà khổ cái khổ của tôi đã từng chịu. Tôi nhờ
biết Phật nên mới sống được đến ngày nay, và hiện giờ thì cậu
đừng lo tôi đã sung sướng lắm, nếu cậu trở về với tôi, người
bạn gái của tôi sẽ khổ như tôi đã khổ, nhưng họ không biết
Phật thì họ sẽ chết như tôi khi chưa biết Phật. Vậy thật tình
tôi tránh cho cậu khỏi tạo thêm một lần tội nữa, chớ tôi không
giận, cậu cứ tin như vậy là được. Bây giờ thì chị cũng làm
bà cụ rồi. Có con hiếu làm to, dâu hiền, cháu ngoan. Mỗi khi
lên chùa bà thường nói với cháu con: Mẹ mà không nhờ biết
Phật, không nhờ các bà đây thì mẹ chết bây giờ vương
rồi, không thì cũng chết mòn, chết mỏi, chớ đâu còn đến
ngày nay.

Những người biết sống như thế còn nhiều lắm, ở đây tôi chỉ kể sơ vài nhân vật đại diện để chúng ta thấy biết sống nghĩa là biết chuyển hoàn cảnh khổ đau hiện tại, thành an vui thanh thoát, biết sống với nội tâm nhiều, nên ít bị hoàn cảnh chi phối. Đừng nói chỉ xa, hoặc những nỗi khổ thấm thía như trên, có nhiều trường-hợp mới khổ hơn mà đối với người không biết Phật thì họ kêu trời, kêu đất om sòm. Như trước đây (chừng vài mươi năm) khi đạo Phật chưa được phổ biến, người hiểu đạo còn lơ thơ... Chẳng hạn như các bà bán hàng, lỡ gặp buổi chợ bán không được, họ ngồi khoanh tay rể, mặt chữ bự rồi kêu trời, kêu đất. Không thì cũng dậm nhau đánh bài tới, tứ sắc, chờ ai dụng đến họ gât như mằm mòi.

Thế mà hiện giờ, (chắc các bạn còn thấy nhiều hơn tôi) hiện giờ, mấy chị bán hàng cũng gặp lúc ế chợ (còn ế hơn trước nhiều) nhưng họ vẫn vui vẻ, lợi dụng thời giờ bán ế họ xem sách học kinh. Khi bạn nghèo đến mua, họ niềm nở đón tiếp, khi đo vải họ không ngần ngại: để em đo nói một chút, chị may cho rộng rãi: cân đường họ vui vẻ: để cháu cân giá một chút, bác nấu cho ngọt... Có nhiều bà chờ ế hàng, họ lên chùa thọ « Bát-quan-Trai » — hỏi — họ vui vẻ: dạ, bán đất thì kiếm tiền nuôi thân. Bán ế thì niệm Phật nuôi thân (tinh thần) đàng nào cũng có lợi cả... Thật họ biết sống quá.

Cho đến mấy bác xích-lố có theo Phật có vô khuôn-hội, khi khách trả tiền xe, bác vui vẻ: dạ ăn chung, tội riêng, ngày kiếm hai bữa đủ rồi, gian lận tội chết. Họ nói mà họ làm thật, nên bớt cái nạn nói ngược đòi thêm. Cho đến các chị hàng xóm, hàng cá có vô khuôn-hội, họ cũng bớt nói lời thô tục, dĩa-dần, thay vào niệm Phật, niệm kinh, họ nói nôm na với nhau: chà! vua Văn-Vương ba mươi sáu tầng vàng, chết xuống âm phủ chẳng mang theo cái nào. Minh ăn hiền ở lành, gắng tu nhân tích đức, sống cực cực mà chết sướng...

Vậy người biết sống thường hướng về nội tâm nhiều, nên gặp cảnh buồn họ không quá bi quan, để đến nỗi sống dật-dờ, sống đen tối, sống héo hắt, mà họ có đủ can-đảm hoán cải cuộc đời đen tối đau khổ, thành sáng tươi vui vẻ.

Người biết sống, gặp cảnh đắc thắng họ không quá ò-ạt, kiêu căng, xa hoa, cầu kỳ, phách lối, nhưng họ khiêm tốn, nhã-nhận, thanh-liêm. Người biết sống là người biết hướng về nội tâm nên họ thường bằng lòng cảnh hiện tại, không ao ước một tương lai quá mức mình. Biết sống là biết gó cương dục vọng lại, bằng lối tri-lúc, nên họ không than thân trách phận, họ không oán giận ai, và người biết sống lại là người vâng lời Phật dạy, họ thường nhớ ơn, (2) chớ không niệm oán, (3) Họ là người ít tạo tội, hay nói đúng hơn là họ sợ tội, vì họ tin nhân quả; họ không dám gây oán, gây thù với ai, vì họ hiểu lý luân-hồi.

Người biết sống là người luôn luôn tranh đấu với cõi lòng, để diệt trừ tận gốc tham, sân, si, tuy nhất thời chưa được, nhưng họ cố gắng, cố làm, cố nguyện cho kỳ được. Mỗi khi họ sân, si lỡ, thì họ khổ vô cùng, lương tâm triêng triệ họ gắt-gao, cho nên họ là người ưa chuộng hòa bình, họ tập hòa bình từ trong lòng, từ tự thân đến gia-đình, xóm làng và xã-hội... Họ tìm mọi phương tiện để lợi người, lợi vật (bổ thí phóng sanh) họ muốn làm lợi ích cho chúng sanh, tùy theo khả năng của họ...

Người biết sống là người biết sâu đạo Phật, thật lòng họ ưa vui cái vui của đồng loại, biết khổ cái khổ của chúng sanh.

Thế nên tôi dám chắc không ai nữ ghét người biết sống vậy.

2) Phật tử mỗi khi tụng kinh xong thường hồi hướng công đức cho 4 ơn: ơn Tam bảo — ơn cha mẹ — ơn quốc gia xã hội — ơn chúng sanh

3) « Oan gia nghị giải, bất nghị kết » là khẩu hiệu của người Phật tử phải nhớ luôn.

Thư gửi bạn * * * * *

NGUYỄN THÁI

La Ciutat, tháng 8-1960

BẠN,

Thành phố nhỏ ven bờ biển Méditerranée đang nằm im trong giấc ngủ đêm. Mười mấy ngày qua, sống trong nắng, biển xanh dồn dập sóng, gió khơi lồng vị mặn và ve rền ình ban trưa, sống trong những tiếng cười của các bạn bè quen biết. Tưởng như quên mất bạn rồi.

Kỳ thực đó chỉ là giây lát tìm tòi, chờ đợi. Chờ đợi một điều chi không biết được, song chờ đợi với niềm tin.

Mọi người giờ đang yên giấc, thành phố không còn vang tiếng động. Nhà ở sát chân biển, thấy vành trăng tròn đỏ hạt ngân loang loáng xuống mặt phẳng của biển khơi như vang kêu rang rảng giọng sóng. Đặt sách cạnh đầu giường định ngủ, song không chợp được mắt nên lại tỉ người vào cửa sổ nhìn ánh sáng đêm. Trời bây giờ như vòm nhà sơn màu huyền, và cửa sổ đục nhất tròn vành vạnh, chính là trăng mở nhìn vào phía bên cao kia, chắc phủ màn dày nên không thấy được, chỉ có ánh sáng tự bên kia hắt qua và phủ xuống muốt mát nhẹ nhàng. Bất giác có khi nghĩ mặt biển đẹp quá, đẹp vì đường bạc lóng lánh chạy biệt nẻo chân trời và vành trăng ấn khắc trên vòm trời cao sáng quá nên muốn khoèo vất đi hay che kín lại để chỉ còn thấy mặt biển ánh kim ngân.

Con người kẻ thực lạ. Đôi khi yêu thích một điều gì, chăm chăm tìm kiếm chiêm tranh, nhưng chỉ ấp ôm bảo ảnh và quên đi cái chân thực vẫn nằm cạnh kẻ trợ trợ.

Trí não tôi lúc này lý luận rất hồ đồ và ngu xuẩn : tại sao không thể nghĩ rằng những đường kim tuyến kia và ánh sáng tự đất đai dội trở lên thành một chấm trắng mà chỉ nghĩ rằng trắng kia dội xuống sáng mặt bề... ?

Muốn xua đuổi các ý tưởng hồ đồ, tôi trở về với bạn, may ra có thể hô hấp lại cơ thể nghèo nàn và mệt mỏi. Không thể nào để cho tình của chúng ta chết dài trong xa cách và vắng bật. Lúc này càng có thể liên kết với nhau tha thiết càng phải làm ngay gấp rút.

Chúng ta bỏ lơ nhau lâu quá rồi!

Càng bỏ lơ nhau, càng bước sâu vào cuộc đời trong sự mỗi mòn cô độc. Sự cô độc ở những giờ thuyền định bình an bao nhiêu thì sự cô độc giữa muôn tiếng giọng nói của xã hội cay đắng bấy nhiêu. Trong chốn động vắng núi non con người dễ thành thánh nhân hơn giữa muôn cái đua chen của cuộc đời. Có lẽ vì thế ngày xưa cô nhân thường lặng ần đề tịnh tu : một vài vị thành tiên và đi mất, quên đôi hoài đến nhân gian để mãi đến nay con cháu vẫn dậm dật trong muôn vòng lần quần.

Tôi trở về với bạn đây, đôi mắt khăn quỳ tha thiết : xin hãy thương nhau qua các đoạn đường chật hẹp và tối tăm!

Đã lâu không quen biết với buồn rầu, bởi sống vượt lên trên hết các cảm giác nhất thời. Bây giờ sò soạn đi vào cõi người, đụng chạm với buồn rầu mới thấy cái nhức nhối của tâm can. Hôm trước đây gặp được một người bạn nói cười niềm nở, lòng mở cò hiểu biết, không ngờ mấy mươi

hôm sau đã phải ngậm ngùi nhìn cái dáng nét lạnh lùng đến xua
đuôi những nụ cười cảm thông trước kia đi.

Nguyên có vì sao chúng ta chia rẽ quá nhiều!

Phải chăng xã-hội, hoàn cảnh đã uốn nắn chúng ta thành
những người tượng nhất định? Thành những người tượng khác
biệt nhau. Thuở ấu-thơ chúng ta là những mẫu mực đất mềm
đẻo, vô hình rồi giáo dục, tín ngưỡng nhào nặn mẫu đất kia
thành hình tượng theo mẫu mực đã chỉ định. Và bức tượng kia
mãi hoài nói lên những gì biểu hiện của nó đôi khi tro tro
cứng rắng, song chẳng bao giờ linh động, biến hóa, yêu kiều
như sự sống. Người ta dạy chúng ta, người ta khuôn thước
chúng ta trong những giáo điều, những tư-tưởng cứng đờ,
nhưng không ai dạy cho chúng ta đâu là sự đồng nhất của con
người, đâu là sự liên hệ mật thiết của cuộc đời. Do đó, bây giờ
đây, mỗi một khi nghe ai nói, ai trình thuyết, hay rao dạy một
điều gì, chúng ta liền gán cho họ ngay một danh từ chủ-nghĩa,
dễ liệt kê họ thuộc phái này, phái nọ, đạo này đạo kia, tư-
tưởng này, tư-tưởng khác. v...v... song ít có khi ta chịu nhận
đó là tiếng nói thuần nhất của con người, đó là tiếng nói còn
bập bẹ hay lão thành chỉ cốt làm tốt đẹp thêm cho đời.

Chúng ta ghét bỏ, chém giết nhau vì một chút danh từ
khác biệt.

Những ngày gần đây, khi chung sống với một số bạn
thanh-niên, thanh-nữ, tôi nhận ra một điều: họ cãi vã nhau chỉ
vì khác biệt nhau về niềm tin. Đành rằng chúng ta nên tranh
luận để học hỏi. Điều đáng buồn ở đây là các cuộc tranh luận
trở thành một cuộc cãi cọ, giận hờn không dứt. Và kỳ thật
thì khi tranh luận không ai bênh vực chân chính cho Thượng-đế
hay chủ-nghĩa của họ cả, họ chỉ vô tình hay cố ý bênh vực
cho cái tự ái, tự cao của họ. Tôi tin rằng nếu có người thực
tâm bênh vực cho Thượng-đế hay chủ-nghĩa của họ, tức họ sẽ

không dự phần vào các cuộc cãi cọ đầy sát khí Bởi lẽ Thượng-đế hay chủ-nghĩa của họ tin đều toàn vẹn: không ai cần phải chối cãi hay bôi xấu được sự toàn vẹn. Bởi lẽ họ chỉ cần hiện-thực sự tốt đẹp của niềm tin trong cử chỉ, hành động thường nhật: điều đó con mắt bàng quan có thể cảm thấu gặp nghìn lần những lời biện minh.

Trong các cuộc cãi vã, mọi người đều muốn làm Trạng-sư hơn là chịu nghe nhau để chia xẻ. Trong khi sống chung cũng thường hay xảy ra các sự đó, và khi chia tay nhau người ta được nghe rất nhiều lời xin lỗi hay hối tiếc trên miệng; Chúng ta ít có dịp nghĩ rằng: xin lỗi nhau rất dễ, còn kính trọng nhau, nhường nhịn nhau, thương yên nhau qua hành động, lời nói hàng ngày mới khó, mới giá trị, mới là chuyện phải làm. Chúng ta có thể giết một người vì lầm lỡ, rồi chúng ta bồi thường bằng tiền bạc hay mấy năm tù ở. Tù đầy kìm hãm sự sống song chưa giết sạch sự sống. Tiền bạc có thể kiếm tìm ra. Nhưng cái nhân mạng kia chỉ một lần sinh nở và không bao giờ có thể tái tạo. Nghĩ được thế, chắc sẽ tránh được một lầm lỡ. Nghĩ sâu như thế, tất tránh được các sự bất đồng vô ích để thì giờ làm một điều chi tốt đẹp cho đời.

Hôm trước, khi có người hỏi tôi về ý kiến và kinh nghiệm tổ chức các viện nuôi trẻ nít, và viện dưỡng lão. Tôi đã tưởng sẽ gom góp được rất nhiều điều đáng nói. Song bây giờ, qua nhiều ngày suy nghĩ, qua nhiều giờ tiếp xúc và chung sống với bạn trẻ tôi cảm thấu biết bao nhiêu là quan trọng của các điều đó. Không thể hồ đồ, bộp chộp, nhay miệng bàn góp được. Không thể là sự suy nghĩ, kinh nghiệm của một vài người được. Phải là sự kết cấu chung lòng của đại thể.

Tuy nhiên tôi cũng muốn góp bàn một điều: Không nên vội đem những phương pháp của Âu Mỹ ứng dụng một

cách thiếu suy nghĩ vào hoàn cảnh của chúng ta. Chúng ta có cái bệnh ưa thích những mới lạ, tốt đẹp khi nhìn ở xa. Hãy xem chừng cảm giác của chúng ta. Chúng ta có những cuộc phiêu lưu rất tai hại. Khi chúng thấy điều chi mới lạ, tốt đẹp, dù đấy chỉ là hình dáng bên ngoài, tất chúng sẽ mê say và cuồng tín tức thì. Chúng sẽ mất tính xét đoán và bình tĩnh để nhận định.

Các phương pháp về viện nuôi trẻ hay dưỡng lão ở Âu Mỹ được lập thành do hoàn cảnh xã-hội, tập quán gia-đình, tư-tưởng ở nơi ấy ấn định nên. Vì vậy chúng ta phải tự hỏi xem xã-hội chúng ta, nền tảng gia đình của chúng ta, tư-tưởng của chúng ta có hoàn toàn toa rập với họ để có thể tổ chức theo mẫu mực như thế chăng?

Trong khi chờ đợi một phương pháp thích đáng, chúng ta hãy bắt đầu ngay trong phạm vi, dù là nhỏ hẹp, theo thực lực của chúng ta.

Phá vỡ gia đình vào lúc này, tôi tưởng là một việc làm quá sớm, nếu không muốn nói là ngông cuồng. Bởi trẻ nít còn yếu đuối lắm, còn cần nhiều sự âu yếm và che chở của cha mẹ. Bởi phần lớn những kẻ sát nhân, hay những kẻ du thủ du thực không hề có một hoàn-cảnh gia-đình êm ấm. Cho nên tôi tưởng nên lấy gia-đình làm nền tảng cho sự tổ chức của chúng ta.

Hãy tìm kiếm những gia-đình đạo-đức yêu trẻ nít để giao những trẻ nít nghèo khổ, mồ côi của chúng ta. Hệ-thống tổ-chức, đại thể như tôi đã bàn đến trong thư trước: Tự hợp một số các người có thực tâm, gom góp tài sản lại. Một số đứng ra phụ trách việc công thương để số tài sản kia ngày một thêm hoa lợi. Còn số kia thì dùng tài chánh ấy hoạt-dộng.

Các cơ sở giáo-dục nhắm vào diêm làm cho trẻ ý thức sự tự do toàn vẹn của chúng trong khi lựa chọn niềm tin và sự sống. Đừng khuôn nắn trẻ quá sớm trong những hình thức nhất định, dù rằng chúng ta cho đó là tốt đẹp. Hãy để cho trẻ chọn lựa !

Tìm một cơ sở giáo dục cho gia đình. Vì các trẻ nít được ta giao cho các gia đình phải được hấp thụ một đời sống kiểu mẫu. Điều đó đòi hỏi ở lương tâm của những phụ huynh trong các gia đình ấy. Chúng ta sẽ phụ giúp một phần nào tài chánh cho các gia đình ấy, nếu xét ra cần. Song có hai điều cần chú trọng : Những kẻ lợi dụng làm tiền trong tổ chức công thương và những gia đình nhận nuôi trẻ nít vì nghĩ đến thu lợi hơn là giáo dục đứa trẻ bơ vơ. Muốn diệt trừ hai điều đó, chỉ có cách là khéo chọn người lúc ban đầu và đừng hồi hả tung phong trào ra quá lớn rộng. Chậm như vết dầu loang để cũ soát và thu thập kinh nghiệm hầu cải tiến, hơn là không chu toàn nổi vấn đề.

Nói về viện dưỡng lão, tôi tưởng e cũng nên theo hình thức nói trên. Vì dưới hình thức các viện rất chóng trở nên tẻ nhạt, công-thức. Sau đấy, người ta đến để làm việc, để làm cho xong, chứ không phải đến để phụng vụ hay an ủi kẻ già cả. Thực ra thì các viện cũng chỉ là sự phóng đại của đời sống một gia đình nhỏ. An ủi, yêu mến ở đây khó thành tựu, cô độc và khổ đau thì rất dễ phát lộ. Chi bằng ta để cho tuổi già của một cụ nào đó trầm trong tiếng cười đọng nói, quá khứ hay hiện tại phủ phàng sẽ được quên lãng trong sự chăm sóc của một gia đình.

Tôi biết có một số đông bạn trẻ của chúng ta bất chấp đến sự quan trọng của đời sống gia đình. Thực ra họ không ác ý. Chỉ vì họ quá bông bột sống, bông bột nhảy vào đời, tìm biết, chạy đuổi với bao điều mới lạ mà chốc lát đã làm họ

chứa mắt trong tuổi dậy thì. Hãy để yên cho họ bay nhảy, song đừng chùng đờ nâng đỡ họ. Và hãy trình bày cho họ biết thế nào là cần yếu lúc được gia đình chăm sóc. Tuổi trẻ thường hay tưởng tượng rằng, họ sẽ được phỉ chi tung hoành độc thân ngoài xã-hội, họ không thể nào do trước được những cay đắng, lo âu, phũ phàng rồi đây phải chịu bởi sự lạnh nhạt và bất cần của đồng loại.

Kẻ nào nhất quyết dẫn thân vào đời một cách cô độc và không hề mang ý tưởng phụng vụ kẻ khác sẽ mãi hoài trơ trọi và tội mọi cho sự chết.

Có đôi người được hấp thụ nề nếp sống của phần đông gia-dình ở Âu-châu, họ chọn sống riêng và dễ lơ là phụ-huynh trong tuổi già nua tất năng. Họ có rất nhiều lý do để làm sự đó. Con người không thiếu trí thông minh để tìm ra các lý do chống đối. Con người chỉ thiếu mỗi tình đoàn tụ và chia sẻ. Họ có lý do để thờ ơ với cha mẹ lúc cha mẹ về già. Họ xem số tiền cấp dưỡng của họ to hơn những cử chỉ chăm sóc nho nhỏ. Họ có biết đâu rằng cha mẹ cần sự hiện diện thân yêu của họ hơn gấp nghìn lần những vật chất giàu sang khác. Họ quên chính cha mẹ sinh ra họ và nuôi dưỡng họ ở cái thời mà nếu họ bị sảy ra tất gặp ngay đói kém và chết chóc.

Chúng ta liên hệ và nương nhờ đến nhau nhiều lắm. Nào phải chỉ quanh quẩn trong một gia-dình mà thôi. Còn cả một thế-giới tuy nhỏ bé đối với vũ-trụ, song to rộng đối với tấm lòng chật hẹp, hạn định của chúng ta.

Khoan nói hãy thương yêu nhau! mà hãy nói tìm hiểu nhau đã. Phải tìm sự liên hệ và đồng nhất con người. Niềm tin của mỗi chúng ta là một con đường hướng về chân lý. Điều đó không ngăn cản chúng ta đứng lại trước một đền đài hay nhà cửa ven đường để chiêm ngắm những mới lạ về

sự Đẹp, niềm Thiện, lẽ Chân. Và cũng không có lý do chi khả dĩ hay ho để các đền đài, nhà cửa kia chẳng mở cửa tiếp đón khách thập phương. Bao lâu chúng ta chưa cùng nhau cời mờ, chưa trọng vì nhau, thì chưa thể nào nói đến sự chung sống an-lạc.

Các tổ-chức của chúng ta phải nhất thiết đừng để sa vào những hình thức, giáo điều, luận lý suông. Nhất nhất phải là Thể hiện và Trở thành.

Tái sinh trong hoạt động và trưởng-thành theo nghĩa cả! Đó là điều chúng ta nên cùng nhau nhắc nhở. Sự khó khăn không ở chỗ thiếu người. Sự khó khăn thường ở chỗ thiếu kẻ có lòng, ở chỗ kẻ có lòng không giữ lòng mình lâu dài với thể cuộc.

Con đường dần trải trước mắt chúng ta rồi. Nào hãy bước lên! Họp nhau lại và nói tên nhau lên cho thân tình thêm gần gũi.

Trong niềm chờ đợi, tôi gửi bạn nỗi nhớ của những ngày xa cách.

Hai tập sách giá trị mới xuất bản

NGÀI HUỆ-NĂNG. — *Khảo cứu tận tường công hạnh tu chứng kỳ dị của Tồ-sư Huệ-Năng và diệu lý thâm huyền của Thuyền-Tôn, do Đại-Đức Thích Tri-Quang soạn, dày gần 200 trang giá 40\$*

HUYỀN-TRANG. — *Tập sách nêu rõ những tài liệu đặc biệt đầy đủ về cuộc Tây-Du cầu đạo đầy mạo hiểm linh động, và những kỳ công vĩ đại đối với nền văn-hóa Á-Đông của một vị Đường-Tăng-Do Đạo hữu Vô-Đình-Cường soạn, trọn bộ hai quyển giá 40\$.* Hai tập sách này đã phát hành và có bán tại các nhà kinh sách Phật trong toàn quốc.

TRẦM LẶNG

Mái ngoài thoang thoảng hạt mưa thưa
Không - gian lay động ý Ba Thừa
Chuông ngân thánh thót trong đêm vắng
Thiền viện hương trầm nhẹ nhẹ đưa

Hồn Đạo-sĩ đêm dài đang phảng lộng
Lặng tâm tư trong vũ - trụ hồn nhiên
Ngoài trời trăng lấp loáng chiếu bên hiên
Đền thiền viện gió tràn rung rinh sóng

Người Đạo-sĩ, mắt lìm - đim tưởng vọng
Kiết - già thân trong lìm lặng đêm dài
Trầm mình trong đạo lý của Như - Lai
Tìm thấy một tâm - linh, đôi nhãn tuyến

Bình minh đến, sương mai đầy lưới nhện
Ngọc - lan hoa hương gió thoảng trời thình
Chan hòa nắng, tràn ngập ý đạo - tình
Hồn Đạo-sĩ đang băng khuâng cảnh vật

Hoàng hôn phủ, bóng đen lần lần dật
Tiếng thu - không vang nện giữa trời lam
Vũ - trụ chuyển mình, tam nghiệp tiêu tan
Chỉ còn lại lá vàng và bụi cỏ.

NGHIÊM-TĨNH

NHỮNG NGÀ ĐUỜNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

CHUYỆN ĐẠI XÃ HỘI

(Tiếp theo)

IX

Từ phòng Dung, sư Thiện-Ứng về trai phòng của mình. Sư cỡi y móc lên giá, mở giầy buộc hai ống quần, bỏ dép và mang guốc định ra vườn xem các Diệu tưới cây. Sư vừa cử-động vừa suy nghĩ đến trường hợp khổ đau của Dung, trong một lúc bị ba cái tai nạn tấn công dữ dội. Sư nghĩ cần phải nâng đỡ Dung nhiều lắm mới hy-vọng lôi kéo nàng ra khỏi hoàn cảnh đen tối hiện tại. Trước nhất phải tạo cho nàng những tia hy-vọng, để nàng bám víu vào đó mà sống, như người rơi xuống vực thẳm bám víu rễ phụ giầy leo mà lần lên khỏi hố sâu. Sư nghĩ đến Thường, vị hôn phu của của Dung, con người duy nhất cột trụ chính mà Dung có thể bám víu vào để sống, như người sắp chết đuối bám vào một khúc cây.

Sư định để cho Dung ở lại tĩnh dưỡng vài hôm tại chùa, rồi khuyên nàng trở về nhà, tiếp tục đi dạy lại. Chỉ có sự làm việc, say sưa với công việc, mới có thể giúp người ta quên được những nỗi đau khổ của mình.

Sư mở cửa, bước ra sân. Trời mờ mờ sáng. Không khí trong trẻo, thanh thoát. Làng mạc dưới chân đồi im lặng đang còn bàng hoàng trong giấc ngủ, bao bọc trong làn sương khói mung lung. Sư nhui mắt nhìn một thôn xóm ở xa xa. Hình như hồi hôm có tiếng kêu la cầu cứu và tiếng súng nổ ở đây. Sư thở dài: lại vài ba gia đình đang sống yên vui bỗng tan nát vì cái bọn quỷ sứ, đầu trâu mặt ngựa, như gia-đình của Dung, hôm kia! Chiến-tranh! Bao giờ chiến tranh mới chấm dứt? Bao giờ dực vọng thời bình cháy?

Bỗng có tiếng chân chạy thình thịch và tiếng kêu cầu cứu ở phía sau chùa. Sư giật mình vội-vã vừa đi vừa chạy ra phía vườn sau. Dưới cây mít, ba bốn chú đệ tử đang xúm lại đỡ Lực dậy, trên cành mít, một đoạn giây thừng còn thông xuống. Lực nhắm mắt, rên hừ hừ, hai tay bả vào hai vai của 2 chú đệ tử để đứng dậy. Anh ta chỉ đứng trên chân mặt, còn chân trái đưa lắc-la như không có xương. Sư Thiện-Ứng chưa kịp hỏi, mấy chú đệ tử đã thuật vắn tắt cho sư biết: Lực thất cổ tự tử, nhưng sợi giây đứt, anh ta rơi xuống đất, và có lẽ chân trái đã bị gãy nên anh ta không thể đứng dậy được.

Mấy chú Đệ tử khiêng Lực vào nhà trai, đặt anh ta nằm lại chỗ cũ, tổ chức việc cứu cấp. Ở dưới làng có một ông thầy môn, không biết có thiện nghệ không, nhưng trong vùng Đồi-Mít hễ khi nào có ai trặc chân tay, đều cầu cứu ông ta cả. Một chú Đệ tử đi mời thầy môn ấy, còn các chú kia lần-xắn chạy quanh Lực, người lấy dầu khuynh diệp xác vào cổ Lực mà cái vòng giây làm bầm tím một khoanh tròn, người lấy nước sôi và bông rửa những vết trầy rướm máu ở ống chân và bắp vế.

Lục nắm nhắm mắt, rên siết và không nói một lời nào cả. Mọi người trong chùa đều vô cùng ngạc nhiên về ý định tự tử của Lục. Nhất là khi chú Diệu đi mời thầy mãn về cho biết rằng thầy đi vắng, vài hôm nữa mới trở về, và khi sư Thiện-Ứng quyết định chở Lục vào bệnh viện Nhatrang để kịp thời cứu chữa, thì Lục một mực khấn khấn không chịu đi và xin ở lại chùa tùy tiện cứu chữa cũng được.

Sư Thiện-Ứng bắc ghế ngồi phía trên đầu giường của Lục, nói với một giọng từ tốn, nhưng ngầm ý la rầy :

— Lục, chú thật điên dại. Chú định tự tử một cách vô cơ như thế sao? Chú hãy nói lý do vì sao chú muốn chết đã chứ! Và bây giờ nữa, chú lại không muốn tôi đưa chú đi nhà thương là cơ làm sao? Thôi chắc chú bị gãy xương ống nơi rồi. Chú không chịu chữa ngay thì rồi chịu què suốt đời cho mà xem.

Sư lập đi lập lại mãi chừng ấy câu nói, nhưng Lục làm như không nghe thấy, cứ nắm nhắm mắt rên hừ hừ.

Lục thấy khó nói quá. Tội ác của chàng sẽ chôn sâu với chàng xuống đáy mồ, chứ không thể cho ai biết được. Nhưng trước sự sẵn sóc ân cần của nhà sư, Lục thấy, nếu mình không nói gì cả thì thật quá vô ân bạc nghĩa. Hồi lâu, sau khi nhìn không thấy có ai ngoài sư Thiện-Ứng, Lục mới trả lời một câu ngắn :

— Thưa thầy, thầy tha tội cho con đã làm phiền thầy. Nhưng con không thể sống được : Con hối hận quá !

Sư Thiện-Ứng mừng rỡ vì thấy Lục đã trả lời mình. Sư đợi Lục nói tiếp. Nhưng Lục chỉ nói thế rồi nhắm mắt nắm

rên lại. Sư không hiểu Lục hối-hận vì chuyện gì, nhưng để phanh phui câu chuyện có vẻ bí ẩn, Sư nói với một giọng cố làm ra bức tức :

— Chú nói rằng chú muốn chết vì hối hận. Nhưng chú có biết đâu rằng khi mình đã gây tội lỗi thì dù có chết cũng không hết tội lỗi. Nghiệp báo cứ theo đuổi chú mãi, từ đời này sang đời khác. Chú tự tử chỉ làm cho nghiệp chú thêm nặng nề mà thôi, chứ không ích lợi gì cả. Nhưng chú đã gây ra tội lỗi gì đến nỗi không thể sống được thế? Lục im lặng một lúc, nằm xây lưng vào tường rồi nói nhỏ nhỏ như một hơi thở dài :

— Con đã gián tiếp giết một người, và phá tan hạnh-phúc của hai người ...

Và cứ theo cái đà ấy, Lục chậm rãi, một nhọc thú hết âm mưu của mình đã khuấy phá cuộc đời yên tĩnh của Dung, như chúng ta đã biết. Nhưng có đoạn chúng ta chưa rõ là từ khi Lục được các Điện đem từ dưới hố lên đến khi Lục treo cổ tự-tử mà không chết.



Sau khi được đưa vào chùa săn sóc, mặc dù sau một đêm thức trọn dưới hố, và vô cùng nhọc mệt, Lục vẫn không sao nhắm mắt được. Tiếng kêu cứu cứu của mẹ Dung, của Dung, tiếng súng nổ, tiếng chân chạy trong đêm vẫn rõ rệt trong tai Lục. Nhất là khi nghe tin mẹ Dung chết, Lục càng giật mình kinh hãi. Không ngờ công việc làm ngu xuẩn của Lục lại có cái hậu quả tai hại rùng rợn đến thế! Đến chiều, khi nghe tiếng mõ và tiếng tụng niệm đưa mẹ Dung đến nơi an nghỉ cuối cùng, Lục thừa lúc các người trong chùa đều ra đưa

dám tang, ngồi dậy mở cửa sổ nhìn xuống sườn đồi, nơi quan tài mẹ Dung sắp hạ huyệt. Lực vừa thương mẹ con Dung, vừa hối hận, ngồi úp mặt vào hai bàn tay, khóc nức nở. Lực ngồi khóc như thế cho đến tối, khi mọi người chôn cất xong, trở vào chùa. Lực chờ cho trời thật tối hẳn, lên cấp một nén hương ra cắm lên mộ mẹ Dung và sụp quỳ xuống thành khẩn cầu xin vong linh bà tha thứ cho mình.

Lực quỳ bên mộ được một hồi thì nghe có tiếng chân ai đạp lên sỏi, đi đến gần mộ. Chàng vội vã đứng dậy khắp khênh di về phía chùa và đứng núp vào một bụi rậm để rình xem ai đi đến. Khi nghe tiếng Dung gọi con bé Lan, Lực giật nảy mình, vừa mừng vừa kinh sợ: Mừng vì thấy Dung đã được bọn thân binh thả cho về, kinh sợ vì chắc rằng bọn thân binh đã cho nàng biết chính mình là kẻ chủ mưu trong vụ bắt cóc Dung. Lực lưỡng-lự không biết nên đứng lại hay chạy trốn khỏi chùa. Trong khi đang lưỡng-lự như thế, thì Lực thấy Dung bước đến gần mộ mẹ nàng.

Lực không nhận rõ được nét mặt Dung trong đêm tối, nhưng trông hình dáng bơ phờ, tiêu tụy, rã rời của Dung cất trên nền trời, Lực quên hết cả sợ hãi mà chỉ còn lại lòng thương xót đối với nàng. Không ngờ chỉ sau một đêm Dung đã thay hình đổi dạng đến thế! Nàng bây giờ là hiện thân của khổ đau, của tuyệt vọng. Dung đến bên mộ, sụp quỳ xuống, cúi sát mặt đất, dang hai tay ôm lấy nấm mộ, khóc ngất; những tiếng nấc lặn rung chuyển cả lưng nàng người nàng. Lực cũng ôm gốc cây, khóc theo, và càng khóc lại càng giận mình. Nhưng rồi Lực nhận thấy Dung không khóc nữa và nằm yên, sóng soãi trên nấm mồ. Lực hốt-hoảng đoán chắc nàng đã ngất lịm, định chạy đến đỡ nàng dậy

nhưng lại lo sợ lỡ nàng tỉnh dậy thấy mình, tri hô lên thì thật là rắc-rối cho tánh-mạng mình. Lực lần vào chùa, tìm cách dễ gián tiếp bảo người ra cứu nàng. Lực đã tìm được cách báo tin, đó là nhắc một chú điệu ra thấp hương lên mộ mẹ Dung. Nhờ thế Dung đã được kịp thời cấp cứu.

Đêm ấy trong lúc Dung đang chấp chờn nửa tỉnh nửa mê, thì Lực, trái lại, không chợp mắt được một phút nào. Chàng lo quá. Nếu Dung tỉnh lại thì thế nào cũng đem tội lỗi của Lực mách cho mọi người trong chùa biết. Rồi câu chuyện sẽ lan ra đến trong thôn trong xóm, trong vùng trong tỉnh... Rồi người ta sẽ bắt bớ chàng phỉ nhổ vào mặt chàng, ghê tởm chàng! như ghê tởm một con thú dữ. Làm sao đây, trốn thoát đi đâu đây? Cái chân chàng đang còn đau, không thể chạy thoát đi xa được trong mấy giờ còn lại trong đêm nay. Vả lại, Dung có thể sẽ tỉnh lại bất kỳ khi nào, có thể là vài giờ nữa, nhưng cũng có thể là ngay lúc này. Lực giả vờ ngủ, nhưng chốc chốc lại rón rén đứng dậy, đi lẩn đến gần phòng Dung để nghe ngóng xem động tịnh như thế nào. Có một lần ý nghĩ ám-sát Dung ngay khi nàng chưa tỉnh hẳn vẫn trong đầu óc của Lực. Nhưng rồi chàng sợ hãi xua đuổi đi ngay. Lần cuối cùng, Lực đến rình ngoài phòng của Dung, chàng nghe tiếng khóc của nàng, tiếng khóc nhỏ nhưng uất ức, quằn quại, tắt nghẹn, vô cùng thê thảm. Lực bần-rùn cả tay chân. Chàng muốn chạy vào, quý xuống bên chân nàng, chấp tay van lạy nàng tha thứ. Nhưng vốn tánh nhút nhát, Lực không dám làm một cử chỉ táo bạo như thế. Chàng lại mệt mỏi, rã rời trở về chỗ cũ... Thế rồi tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng niệm buổi công phu sáng ở trên chùa vang lên, thanh thoát, nhịp nhàng, ngân ngợi, trong sáng như đang mở ra, trình bày một cảnh giới thanh bình, an lạc, yêu thương... Lực

thấy rõ ràng một sự cách vời xa xăm giữa mình và cảnh giới ấy; một sự lỗi nhịp chát chua trong một bản hòa tấu, là một vết bần trong một bức tranh tuyệt đẹp... Rồi Lực đã tìm được một sợi giấy thừa, đem ra cắt mít ở sau vườn chùa. Nhưng sợi giấy thừa ấy lâu ngày đã mục, không mang nổi cái thân nặng nề của chàng nên đã đứt ngang và vất chàng xuống đất.



Sư Thiện-Ứng này giờ vẫn chăm chú, bình tĩnh ngồi nghe Lực thú tội, thỉnh thoảng lại chép miệng « Mô Phật » như để gõ nhịp vào những đoạn ghé rợn mà Lực vừa kể.

Lực kể xong, ngược mặt nhìn Sư Thiện-Ứng, đôi mắt mở to, như để chờ đợi một sự phán xét nghiêm khắc. Nhưng Sư vẫn im lặng cúi xuống nhìn tay mình đang lần tràng hạt. Sư như đang thầm đọc gì ở trong miệng; Lực cố lắng tai nhưng không nghe gì cả. Hồi lâu không nghe Sư nói gì, Lực cất tiếng hỏi :

— Thầy thấy chưa? Tội con đáng chết. Chỉ có cái chết mới đền đáp xứng đáng được tai họa mà con đã gây ra.

Sư chậm rãi trả lời như những lời phán bảo oai nghiêm :

— Không có cái chết nào là có thể đền đáp được tội lỗi cả. Cái chết không giải quyết được gì cả, nhất là chết bằng cách tự tử. Có tội thì phải ăn năn hối cải, phải sám hối. Minh đã gây ra tội nghiệp thì cũng chỉ có minh là bôi xóa, rửa sạch tội nghiệp của mình mà thôi.

Lực nghe Sư Thiện-Ứng nói, vùng ngồi dậy, nhưng cái

chân đau làm chàng ngã xuống lại trên giường, và nhả mặt rên siết. Đợi qua cơn đau, Lực hỏi Sư :

— Thầy dạy tội con có thể chuộc được ? Nhưng bằng cách nào ? Thầy rủ lòng từ bi chỉ dạy cho con đi ! Con lay Thầy ! Sư từ tốn bảo :

— Giờ đây, điều quan trọng đối với chủ là phải chữa cho lành cái chân mà ta chắc có lẽ đã gãy. Ngày mai ta sẽ cho người chở chú vào nhà Thương Nhấtrang. Khi nào lành chân, sẽ nghĩ đến cách đền tội sau.

Vẻ băn khoăn lo ngại vẫn hiện lên trên khuôn mặt Lực. Khi Sư Thiện Ứng sắp sửa đi ra, Lực như không thể dưng được ngấp ngừng hỏi Sư :

— Thưa Thầy, Cô Dung có tố cáo tội lỗi của con với Thầy chưa ?

— Không ! có lẽ cô ta không biết âm mưu của chủ. Bọn thân binh chắc không nói.

Vẻ mừng rỡ lộ hẳn trên nét mặt Lực. Chàng ngược nhìn Sư Thiện-Ứng rồi nói với vẻ cầu khẩn :

— Thưa Thầy, con đã thú cả tội lỗi với Thầy. Nhưng con cầu mong Thầy đừng cho ai biết, nhất là Cô Dung. Nếu có ai biết được, thì con sẽ không còn mặt mũi nào mà sống nữa.

Sư Thiện-Ứng từ từ gạt đầu rồi đi ra.

(Còn nữa)

PHƯƠNG PHÁP TRẮC NGHIỆM

Trong trường Hàm - thụ Gia - đình Phật - tử

PHAN CẢNH TUÂN

TRẮC NGHIỆM là một ngành của môn tâm lý thực hành rất thông dụng ngày nay. Với phương pháp khoa-học này chúng ta có thể hiểu được sự phát triển mau hay chậm về hai phương diện tinh thần và thể chất của một em bé. Đây cũng là một phát minh quan trọng của thế kỷ hai mươi vì đã có nhiều kết quả đẹp chứng minh điều ấy.

Ở các trường Âu Mỹ, vào ngày tựu trường các nhà giáo trắc nghiệm học sinh để xem trình độ hiểu biết của từng em và trình độ chung của cả lớp.

Mục đích :

1) Nhờ sự hiểu biết đó, thầy giáo mới xếp học sinh theo các hạng kém, khá hay giỏi riêng từng lớp để dễ giảng dạy.

2) Hiểu được trình độ chung, để dọn một chương trình học thật sát với học sinh mới có nhiều lợi ích.

Các nhà bác học chuyên môn đã thí nghiệm với hàng ngàn trắc nghiệm về mọi hoạt động, kết quả nhất là ở ngành Hướng nghiệp, trắc nghiệm

đã giúp họ hướng dẫn thanh niên lựa nghề đúng với khả năng từng người một.

Trong quân đội, muốn phân phối một cách hợp lý để đưa binh sĩ vào phục vụ trong một binh chủng nào — người ta cũng dùng phương pháp trắc nghiệm.

Gần đây, trên các tạp chí thỉnh thoảng chúng ta gặp những bảng trắc nghiệm. Chúng ta lần lượt trả lời một số câu hỏi do soạn giả đề ra, sau cùng ta cộng các điểm số của các câu trả lời. Tổng số điểm của các câu mà ta đáp đó sẽ cho ta biết kết quả : — Ta có tự chủ hay không ? — Ta có nhiều tình cảm hay ít ? — Ta có tế nhị hay không ? v. v... Phương pháp trắc nghiệm giúp ta tự tìm hiểu ta.

Một việc không ngờ là có nhiều vụ án khá bí mật, nhờ trắc nghiệm mà ta đã khám phá ra thủ phạm.

Trong phạm vi giáo dục chúng ta thu hẹp cái nhìn của chúng ta, để tìm lấy cái quy điều căn bản khi các nhà giáo dục xây dựng trắc

nhịệm và áp dụng trắc nhịệm như thế nào ?

Các bậc làm cha, làm mẹ, các nhà giáo dục thường muốn có một cái " thước ", cái " cân " để đo cái trình độ hiểu biết hay sự phát triển các khả năng của con em mình. Ý muốn ấy đã được thực hiện : người ta đưa ra một công việc làm, hoặc bằng chân tay, hoặc bằng trí óc để cho một số trẻ em cùng tuổi trả lời hay làm thử. Nếu 75% trẻ em trong số đó trả lời được, hay làm đúng thì việc đó là đặc trưng của thời kỳ tuổi ấy. Ví dụ : — sau khi đưa ra nhiều câu hỏi trong ấy có chứa nhiều con số cho một lớp trẻ em bốn tuổi (đủ 48 tháng). Có 75% trẻ đếm tới số 3 là một trong những đặc trưng của thời kỳ bốn tuổi.

— Giữa một đám đông trẻ người ta ra những câu hỏi hay những việc làm có tánh cách đòi hỏi sự phân biệt bên phải bên trái — kết quả có 75% trẻ em bảy tuổi trả lời đúng.

Sự phân biệt được bên phải, bên trái là đặc trưng của thời-kỳ 7 tuổi (84 tháng).

Bây giờ ngược lại muốn biết cơ thể cùng tinh thần của em X (bốn tuổi) phát triển như thế nào ? Người ta trao cho em ấy một số câu hỏi, hay việc làm đặc trưng của thời-kỳ bốn tuổi. Nếu em trả lời đúng —

là thể xác và tinh thần của em phát triển đều. Nếu em trả lời sai, làm không được — là chậm phát ; hoặc em đã làm được hết và có thể làm thêm những câu hỏi của tuổi cao hơn — là em ấy khỏe mạnh, thông minh, mau phát triển.

Khuôn khổ bài này không cho phép tôi đi sâu và đi xa hơn nữa, muốn hiểu thấu đáo về trắc nhịệm chúng ta còn cần nhiều thời giờ hơn, nhiều bút mực và nhiều sách vở.

Trở về với trường Hàm-thụ của chúng ta, trắc nhịệm sẽ đóng một vai trò quan trọng.

Mỗi học viên sau khi đã làm thử tục của nhà trường, học viên sẽ phải trả lời một số câu hỏi (một bảng trắc nhịệm). Nhà trường nhờ đó biết : — trình độ văn hóa. Đạo đức — Tinh thần Phật-tử và khả năng của học viên.

Học viên sẽ không bị mất thì giờ vì bên cạnh các câu hỏi đã có sẵn ba hoặc bốn câu trả lời. Học viên chỉ việc đánh dấu chữ thập (+) vào câu nào học viên cho là lời đáp đúng với câu hỏi.

Nhà trường hằng ngày có hằng trăm bài để chấm, mà vẫn không lo thiếu thì giờ vì mỗi bài làm, nhà trường đã sẵn một bài giải làm bằng

giấy cứng có đục thủng các ô vuông phía cái dấu trả lời của học viên nơi các câu trắc nghiệm. Đặc tờ giấy « Bài giải » ấy lên bài làm của học viên, công việc nhận-xét câu nào học viên trả lời đúng, câu nào sai chỉ trong giây phút.

Suốt trong khóa học, nhà trường theo dõi được sự tiến bộ của học viên nhờ các bảng trắc nghiệm; Học viên vì phải nghiên cứu để trả lời các câu hỏi ở bảng trắc nghiệm nên dần dần thấu nhận kiến thức.

Cuối khóa học, học viên làm bảng trắc nghiệm mãn khóa học. Bảng này có thể giống như bảng trắc nghiệm đầu khóa học. Nhà trường đem so sánh hai bảng đó để tìm hiểu thêm mức tiến của học viên. Một học viên khi mới vào học bằng trắc nghiệm đầu được 4 điểm, và khi mãn khóa số điểm là 6 chưa chắc đã được xem tiến bộ hơn học viên khi mới vào học điểm số có 1 mà khi mãn khóa điểm số chỉ có 5.

Với những anh, chị lớn trong G.Đ.P.T. muốn trở nên Đoàn trưởng của phong trào, nhà trường có những bảng trắc nghiệm riêng, tìm hiểu tâm lý, khả năng của đương sự để hướng dẫn họ qua ngành Ấu hay ngành Thiếu, hoặc nếu họ không có khả năng điều khiển, song các khả năng khác

có thừa, nhà trường sẽ giới thiệu các công tác khác chọ thích hợp với họ.

Và đi xa hơn một chút, nhà trường nhờ sự hợp tác của các Học viên, các Huynh Trưởng thí nghiệm áp dụng một số trắc nghiệm, ý muốn tìm hiểu tâm lý các em chúng ta, qua từng lớp tuổi từ thị thành đến thôn xóm để cải tiến mãi không ngừng chương trình tu học của G.Đ.P.T. nói riêng. Để tìm hiểu tâm hồn trẻ em Việt hầu góp phần xây dựng nền giáo dục Thanh thiếu nhi nước nhà nói chung.

Hôm nay, mỗi khi nói đến thanh niên Việt-nam, người ta đã trịnh trọng nhắc đến đoàn thể G.Đ.P.T. — Thanh niên Phật-tử.

Ngày mai, mỗi khi đề cập đến công tác xã hội, đến nền giáo dục thanh, thiếu nhi, ước mong phương pháp giáo dục của G.Đ.P.T. còn rạn rỡ mãi vì với số huynh trưởng kể hàng ngàn anh chị em chúng ta, số các em có trên hàng chục vạn rải rác khắp đó đây; chúng ta sẽ hoàn thành một bộ Trắc Nghiệm (1) rất đúng và thích hợp cho trẻ em Việt-Nam; điều mà kẻ viết bài này hằng mơ ước, và cũng là điều mà anh chị em chúng ta có thể làm được.

(1) Trong một dịp khác, chúng ta sẽ nghiên cứu các bảng trắc nghiệm của trẻ em các nước Âu Mỹ.

TIN TRONG NƯỚC

Lễ Vu-Lan năm nay.— Lễ Vu-Lan rằm tháng 7 vừa rồi khắp các Chùa các Niệm Phật đường đều tổ chức long trọng. Các Trụ sở lớn của Giáo-hội Tăng-già và các Phật-học-viện đều có làm lễ Tự-từ, phổ-biến thông bạch của Hòa-Thượng Thượng-Thủ và Chư Tăng đồng cầu nguyện thế giới hòa-bình chúng sanh an lạc, và rất nhiều Khuôn-hội Phật-giáo, trai Tăng cúng dường chư Tăng xuất hạ, ấn-tống kinh-sách tổ chức Từ thiện, phân phát vật thực cho đồng bào nghèo thiếu tàn tật, an ủi bệnh nhân và phạm nhân các lao xá...

Đại Tạng kinh đến Đà-Nẵng.— Nhờ duyên lành, Tỉnh-Hội Phật-giáo Đà-nẵng đã thỉnh được Đại tạng kinh tại Đài-Loan. Lễ thỉnh kinh đã cử hành rất trọng thể tại Đà-nẵng trong dịp lễ Vu-Lan (rằm tháng 7). Hàng nghìn hội hữu và trên hai mươi chiếc xe của các tư gia đã dự lễ Thỉnh Kinh này.

Tỉnh-hội Phật-Giáo Đà-Nẵng ghi ân vị cựu lãnh sự Trung-Hoa quốc-gia tại Trung-phần Lưu-Đức-Trần đã giúp đỡ rất nhiều vào công cuộc thỉnh Đại-tạng Kinh này.

Trại họp bạn Gia-Đình Phật-Tử.— Nhân dịp lễ Vu-Lan, Gia-Đình Phật-Tử Quảng-Nam, Đà-Nẵng đã tổ-chức một trại họp bạn lấy tên * Trại báo hiếu Mục-Kiền-Liên * tại xã Hòa-Thọ suốt ba ngày 13-14 và rằm tháng bảy âm-lịch. Gần 900 Đoàn sinh Thiếu-Niên, Thiếu-Nữ, gần 500 nam, nữ Oanh-vũ Đà-Nẵng đã tham dự trại họp bạn này. Mặc dầu trời mưa tầm tã, Trại vẫn tiếp tục và đem lại nhiều kết quả tốt. Anh Ban-viên Đặc-Uy Tổng-hội tại Trung-phần đích thân điều khiển trại.

Trại lại còn tổ chức hai buổi khám bệnh cho đồng bào với sự chăm sóc của hai Bác-sĩ Đoàn-Trình và Lê-nguyên-Cát.

Trại còn chung sức góp gấn một tấn gạo để giúp đỡ đồng bào hòa hoãn tại xã Hòa-Phát, cộng tác với Trung Đoàn VI phân phát số gạo (3 tấn), thăm viếng và ủy lạo khu vực bị cháy.

Chùa Sư-Nữ.— Do lòng thiết tha mong ước của những Nữ Phật-tử, một chùa Sư-nữ sắp được kiến tạo tại Đà-nẵng, đặt dưới quyền quản trị của Giáo-hội Tăng-già Quảng nam—Đà-nẵng.

Sư Bà Diệu-Không đã đến tận nơi xem đất chùa (cạnh chùa Vu-lan, trên đường đi Ngũ-hành-Sơn) và rất hài lòng. Thế là từ nay, các Nữ-hội-viên, các em ngành nữ trong Gia-đình Phật-tử có dịp gần gũi quý vị sư bà, sư cô và nhất có công tác cho chính mình.

Hằng mong ngôi chùa được sớm thành tựu trong sự góp công góp của của toàn thể.

Đề án của ông Nguyễn-Kỳ.— Ông Nguyễn-Kỳ đã đứng đầu (mention bien) về kỳ thi kiến-trúc sư với đề án:

* Trung-Tâm Văn-Hóa Phật-Giáo Việt-Nam * về sáng kiến và tài năng của Ông được rất nhiều người khen ngợi.

Đại-đức Ranganathananda đến Saigon.— Đại-đức Swami Ranganathananda, Trưởng Giáo-đoàn Ramakrishna ở Tân-đê-ly đã đến Saigon ngày 19-8-60. Do Đại-đức Vivekananda sáng lập năm 1901, Giáo-đoàn Ramakrishna rất có tiếng ở Ấn-độ cũng như ở nước ngoài, vì những hoạt-động từ thiện, xã-hội và văn-hóa của Giáo-đoàn.

Đáp lại lời thỉnh của Hội Phật-học, Đại-đức Ranganathananda đã dành buổi diễn-thuyết đầu tiên của Đại-đức cho Chùa Xá-Lợi. Đại-đức có diễn-thuyết ở nhiều nơi khác tại Sài-gòn và đặc biệt lưu ý đến những công cuộc từ thiện Phật-giáo như phòng thuốc ở Xá-Lợi, Phòng thuốc và Cô-nhi-viện ở Chùa Dược-Sur. Những buổi giảng ấy được đa số thính giả hoan nghinh nhiệt liệt.

Phái-đoàn Quân-sự Miến-Điện.— Phái-đoàn Quân-sự Miến-điện, trong khi sang thăm Việt-Nam, có đến vãng cảnh Chùa Xá-Lợi. Phái-đoàn tỏ ý thích lối kiến trúc mới của Chùa và thành thật phong tặng tài của nhà điêu-khắc đã đúc pho tượng Phật. Trước khi ra về, ông Trưởng Phái-đoàn cho biết ông sẽ mách cho đồng-bào ông sang vãng cảnh Xá-Lợi Sài-gòn.

TIN THẾ GIỚI

Những người bạn của Phật-giáo ở Hoa-thịnh-Đốn.— Trong kỳ họp thường niên của những Người Bạn của Phật-Giáo tại Hoa-thịnh-Đốn nhóm tại Sứ-quán Diển-Điện, bác sĩ Arthur W. Hummel, một Phật-tử người Mỹ, đã thuyết trình về « Cái tốt đỉnh của Đại-Thừa Phật-giáo »

Cái tốt đỉnh của Đại-Thừa Phật-Giáo, theo lời Ông, đã được Ngài Na-Tiên đạt đến. Những bình luận của Ngài Na-Tiên về Phật-giáo có tầm quan trọng như những bình luận của triết gia Shankara về Ấn-độ giáo.

Đề chấm dứt buổi nói chuyện này ông Kichiji Tsugita đã chiếu một phim về những thắng cảnh và chùa chiền ở Kyoto và Nara (Nhật-Bản).

Thêm Một Trung Tâm Huấn Luyện Tỷ-Kheo.— Hội nghị Phật-Giáo Tích-Lan Toàn Quốc đã quyết định mở tại Pelmadulla một trung tâm huấn luyện Tỷ kheo về sự truyền bá Phật-Giáo. Hội nghị đã được cúng dường 10 sào đất dùng vào việc đó và Bộ Văn-hóa cũng đã tặng một số tiền là 50.000 ru-pi (vào khoảng 400.000\$ V. N.) Hội nghị dự định xây cất Trung Tâm với số tiền 100.000 Rupi trong đợt đầu. Hội nghị sắp đặt đề có thể huấn luyện một lược 40 vị Tỷ kheo. Thời kỳ huấn luyện sẽ là một năm rưỡi.

Chương trình huấn luyện gồm nhiều môn và có dạy một số ngoại ngữ để các Tỷ kheo có thể truyền bá Phật-giáo ở ngoại quốc.

Một bảo tàng viện Phật-giáo tại Sanchi.— Chính phủ Ấn-độ đã đề nghị thiết lập một bảo tàng viện văn hóa và mỹ-nghệ Phật-giáo tại thị xã Sanchi. Viện này sẽ đặt tại trường Cao-đẳng Junta ở Sanchi.

*Mục « Cần hiểu đúng đắn ý nghĩa Gia-đình Phật-tử »
xin tạm nghỉ một kỳ. Mong quý độc giả hoan-hỷ.* L. H.

In tại Nhà in LIÊN-HOÀ, đường Lam-Son — Huế.